

LỜI MỞ ĐẦU .....	1
CHƯƠNG 1 : LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐNBẰNG TIỀN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP .....	3
1.1 Tổng quan về vốn bằng tiền:.....	3
1.1.1. Khái niệm, đặc điểm và phân loại vốn bằng tiền.....	3
1.1.2.Nguyên tắc hạch toán vốn bằng tiền .....	4
1.1.3: Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền .....	6
1.2 Tổ chức kế toán tiền mặt tại quỹ trong Doanh Nghiệp.....	6
1.2.1. Khái niệm tiền mặt tại quỹ.....	6
1.2.2 Nguyên tắc hạch toán tiền mặt tại quỹ.....	6
1.2.3 chứng từ kế toán sử dụng .....	7
1.2.4. Tài khoản sử dụng:.....	8
1.2.5 Phương pháp hạch toán kế toán một số hoạt động kinh tế chủ yếu.....	9
1.2.5.1 Kế toán tình hình biến động tiền mặt Việt Nam.....	9
1.2.5.2 Kế toán tình hình biến động ngoại tệ tại quỹ:.....	11
1.2.5.3.Kế toán tình hình biến động vàng, bạc, kim khí, đá quý tại quỹ:....	14
1.3.Kế toán tiền gửi ngân hàng .....	16
1.3.1.Nguyên tắc hạch toán tiền gửi ngân hàng .....	16
1.3.2.Chứng từ sử dụng.....	17
1.3.3.Kết cấu và tài khoản kế toán sử dụng .....	17
1.3.4.Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu về tiền gửi ngân hàng .....	18
1.3.4.1.Kế toán tiền gửi ngân hàng bằng tiền Việt Nam.....	18
1.3.4.2.Kế toán tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ: .....	21
1.4.Kế toán tiền đang chuyển.....	23
1.4.1. Nội dung chủ yếu của kế toán tiền đang chuyển .....	23
1.4.2. Chứng từ sử dụng:.....	23
1.4.3. Tài khoản sử dụng.....	24
1.4.4. Phương pháp hạch toán:.....	24

1.4.5.Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu về tiền đang chuyển .....	25
1.5.Tổ chức vận dụng sổ sách trong công tác kế toán vốn bằng tiền trong DN.....	26
<b>CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VILACO.....</b>	<b>36</b>
2.1.Tổng quan về công ty cổ phần VILACO.....	36
2.1.1.Quá trình hình thành và phát triển của công ty CP VILACO.....	36
2.1.2.Một số thuận lợi, khó khăn của công ty cổ phần VILACO.....	39
2.1.2.1.Thuận lợi.....	39
2.1.2.2.Khó khăn.....	40
2.1.3 Đặc điểm tổ chức của sản xuất kinh doanh của công ty.....	40
2.1.4 Công nghệ sản xuất của công ty.....	40
2.1.5.Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty cổ phần VILACO.....	41
2.1.6.Tổ chức công tác kế toán tại công ty cổ phần VILACO.....	44
2.1.6.1.Tổ chức bộ máy kế toán.....	44
2.1.6.2.Hình thức kế toán, các chính sách kế toán được áp dụng tại công ty cổ phần VILACO.....	46
2.2.Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty cổ VILACO.....	48
2.2.1.Kế toán tiền mặt tại quỹ tại công ty cổ phần VILACO.....	48
2.2.1.1.Tài khoản, chứng từ, sổ sách sử dụng.....	49
2.2.1.2.Trình tự ghi sổ kế toán tiền mặt tại công ty CP VILACO.....	50
2.2.1.3.Một số nghiệp vụ liên quan đến tiền mặt tại công ty.....	51
2.2.2.Kế toán tiền gửi ngân hàng tại công ty cổ phần VILACO.....	70
2.2.2.1.Tài khoản, chứng từ, sổ sách sử dụng.....	70
2.2.2.2.Trình tự ghi sổ kế toán tiền gửi ngân hàng tại công ty cổ VILACO.....	71
2.2.2.3. Một số nghiệp vụ liên quan đến tiền gửi ngân hàng tại công ty cổ phần VILACO.....	72
<b>CHƯƠNG 3 MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐNBẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VILACO.....</b>	<b>91</b>

3.1.Đánh giá chung về tổ chức công tác kế toán và kế toán vốn bằng tiền tại công ty cổ phần VILACO .....	91
3.1.1.Uu điểm Về bộ máy quản lý:.....	92
3.1.2.Hạn chế .....	93
3.2.Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty cổ phần VILACO .....	94
KẾT LUẬN.....	109

## LỜI MỞ ĐẦU

Mỗi một đơn vị kinh tế là một tế bào của nền kinh tế xã hội. Nền kinh tế xã hội càng phát triển thì kế toán sẽ càng giữ vai trò quan trọng trong quản lý kinh doanh. Bất kỳ một cơ sở sản xuất kinh doanh nào thì tài chính – vốn cũng là một vấn đề vô cùng quan trọng để doanh nghiệp có thể tồn tại và phát triển. Vốn bằng tiền là cơ sở, là tiền đề cho một doanh nghiệp hình thành, tồn tại và phát triển, là điều kiện cơ bản để doanh nghiệp hoàn thành cũng như thực hiện quá trình sản xuất kinh doanh của mình. Trong điều kiện hiện nay phạm vi hoạt động của doanh nghiệp không còn bị giới hạn trong nước mà đã được mở rộng tăng cường hợp tác với nhiều nước trên thế giới. Do đó quy mô và kết cấu của vốn bằng tiền rất lớn và phức tạp, việc sử dụng và quản lý chúng có thể ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Vậy nên doanh nghiệp phải chú trọng đến công tác tổ chức kế toán Vốn bằng tiền vì nếu làm tốt công tác này sẽ giúp quản lý nắm được vốn của doanh nghiệp nói chung, vốn bằng tiền nói riêng của đơn vị mình, để có các biện pháp sử dụng vốn phù hợp nhằm tiết kiệm tối đa chi phí vốn để tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Xuất phát từ những nhận thức trên, trong thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần VILACO, em đã đi sâu tìm hiểu công tác kế toán Vốn bằng tiền và chọn đề tài cho khóa luận tốt nghiệp của mình là: “ Hoàn thành công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty Cổ phần VILACO”

Bài khóa luận của em gồm ba chương:

Chương 1: Lý luận chung về tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền trong các doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Cổ Phần VILACO

Chương 3: Một số biện pháp nhằm góp phần hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Cổ Phần VILACO.

Trong thời gian thực hiện khóa luận em đã nhận được sự giúp đỡ tận tình của Ths. Nguyễn Thị Thúy Hồng và các cán bộ trong phòng kế toán của công ty Công ty Cổ Phần VILACO. Vì trình độ còn hạn chế, thời gian có hạn lên bài khóa luận của em chắc chắn sẽ không tránh khỏi những sai sót, em rất mong sự góp ý của các thầy cô giáo và các bạn để khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn !

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2012

Sinh viên

Đỗ Thị Bích

**CHƯƠNG 1 :****LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN  
VỐNBẰNG TIỀN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP****1.1 Tổng quan về vốn bằng tiền:****1.1.1. Khái niệm, đặc điểm và phân loại vốn bằng tiền****a, Khái niệm vốn bằng tiền:**

Vốn bằng tiền của các đơn vị là một bộ phận tài sản lưu động làm chức năng ngang giá chung trong mối quan hệ mua bán trao đổi được biểu hiện dưới hình thái tiền tệ. Vốn bằng tiền là loại tài sản mà doanh nghiệp nào cũng có và sử dụng.

**b, Đặc điểm**

Trong quá trình sản xuất kinh doanh vốn bằng tiền vừa được sử dụng để đáp ứng nhu cầu về thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc mua sắm vật tư, hàng hoá sản xuất kinh doanh, vừa là kết quả của việc mua bán hoặc thu hồi các khoản nợ. Chính vì vậy, quy mô vốn bằng tiền là loại vốn đòi hỏi doanh nghiệp phải quản lý hết sức chặt chẽ.

**c, Phân loại vốn bằng tiền:**

Theo hình thức tồn tại vốn bằng tiền của doanh nghiệp được chia thành

**Tiền Việt Nam:** Là loại tiền phù hiệu. Đây là các loại giấy bạc do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành và được sử dụng làm phương tiện giao dịch chính thức đối với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

**Ngoại tệ:** Là loại tiền phù hiệu. Đây là các loại giấy bạc không phải do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành nhưng được phép lưu hành chính thức trên thị trường Việt nam như các đồng: Đô la Mỹ (USD), bảng Anh (GBP), phrăng Pháp (FFr), yên Nhật (JPY), đô la Hồng Kông (HKD), mác Đức (DM) .

Vàng bạc, kim loại quý, đá quý, ngân phiếu: Là tiền thực chất, tuy nhiên được lưu trữ chủ yếu là vì mục tiêu an toàn hoặc một mục đích bất thường khác chứ không phải vì mục đích thanh toán trong kinh doanh.

Theo địa điểm bảo quản, vốn bằng tiền của doanh nghiệp bao gồm :

Tiền mặt tại quỹ: Gồm giấy bạc Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim loại quý, đá quý, ngân phiếu hiện đang được giữ tại két của doanh nghiệp để phục vụ nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày trong sản xuất kinh doanh.

Tiền gửi ngân hàng : Là tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim loại quý, đá quý, ngân phiếu mà doanh nghiệp đang gửi tại tài khoản của doanh nghiệp tại Ngân hàng.

Tiền đang chuyển: Là tiền trong quá trình vận động để hoàn thành chức năng phương tiện thanh toán hoặc đang trong quá trình vận động từ trạng thái này sang trạng thái khác.

### **1.1.2. Nguyên tắc hạch toán vốn bằng tiền**

Kế toán vốn bằng tiền phải tôn trọng đầy đủ các quy tắc, các chế độ quản lý và lưu thông tiền tệ hiện hành. Cụ thể:

Hạch toán vốn bằng tiền phải sử dụng một đơn vị tiền tệ thống nhất đó là đồng Việt Nam, trừ trường hợp được phép sử dụng một đơn vị tiền tệ thông dụng.

Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt hoặc gửi vào ngân hàng phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch (tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên Ngân hàng do Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh) để ghi sổ kế toán.

Trường hợp mua ngoại tệ về nhập quỹ tiền mặt, gửi vào Ngân hàng hoặc thanh toán công nợ ngoại tệ bằng đồng Việt Nam thì được quy đổi ra đồng Việt Nam theo giá mua hoặc tỷ giá thanh toán. Bên có các TK 1112, TK 1122 được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá trên sổ sách TK1112,

hoặc TK 1122 theo một trong các phương pháp: bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, thực tế đích danh.

Nhóm tài khoản có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đồng Việt Nam, đồng thời phải hạch toán chi tiết ngoại tệ theo nguyên tệ. Nếu có chênh lệch tỷ giá hối đoái thì tùy theo từng trường hợp cụ thể sẽ được xử lý chênh lệch như sau:

Nếu chênh lệch phát sinh trong giai đoạn sản xuất kinh doanh (kể cả doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản) thì số lãi do tỷ giá được phản ánh vào TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính và lỗ do tỷ giá được phản ánh vào TK 635 - Chi phí tài chính.

Nếu chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản (là giai đoạn trước hoạt động) thì số chênh lệch được phản ánh vào TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Số dư cuối kỳ của các tài khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm.

Đối với vàng bạc, kim khí, đá quý phản ánh ở nhóm tài khoản vốn bằng tiền chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng bạc, kim khí, đá quý.

Vàng bạc, kim khí, đá quý phải được theo dõi về số lượng, trọng lượng, quy cách phẩm chất và giá trị của từng thứ, từng loại. Giá trị vàng bạc, kim khí, đá quý nhập vào quỹ được tính theo giá thực tế (giá hoá đơn hoặc giá thanh toán).

Khi tính giá xuất vàng bạc, kim khí, đá quý có thể áp dụng một trong bốn phương pháp tính giá hàng tồn kho: bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, thực tế đích danh .



### **1.1.3: Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền**

Phản ánh kịp thời các khoản thu chi vốn bằng tiền, thực hiện việc kiểm tra, đối chiếu số liệu thường xuyên với thủ quỹ nhằm đảm bảo tính chặt chẽ của vốn bằng tiền.

Phản ánh tình hình tăng giảm, sử dụng TGNH hàng ngày, việc chấp hành chế độ thanh toán không dùng tiền mặt.

Phản ánh các khoản tiền đang chuyển, kịp thời phát hiện nguyên nhân làm cho tiền đang chuyển bị ách tắc để doanh nghiệp có biện pháp thích hợp giải phóng nhanh tiền đang chuyển kịp thời.

Tổ chức thực hiện các quy định về chứng từ, thủ tục hạch toán kế toán vốn bằng tiền, kế toán thực hiện chức năng kiểm soát và phát hiện các trường hợp chi tiêu lãng phí, sai chế độ, phát hiện các chênh lệch vốn bằng tiền.

Theo dõi tình hình thu, chi, tăng, giảm, thừa, thiếu và số hiện có của từng loại vốn bằng tiền. Hướng dẫn và kiểm tra việc ghi chép của thủ quỹ, thường xuyên kiểm tra đối chiếu số liệu của thủ quỹ và kế toán tiền mặt nhằm đảm bảo an toàn tiền tệ.

Kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc chấp hành các chế độ, quy định, các thủ tục quản lý về vốn bằng tiền. Phát hiện các trường hợp chi tiêu lãng phí, sai chế độ, tham ô, biến thủ tài sản. Xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp quản lý.

## **1.2 Tổ chức kế toán tiền mặt tại quỹ trong Doanh Nghiệp**

### **1.2.1. Khái niệm tiền mặt tại quỹ**

Tiền mặt là số vốn bằng tiền do thủ quỹ bảo quản tại quỹ hoạt kết của doanh nghiệp bao gồm: tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, đá quý, kim khí quý.

### **1.2.2 Nguyên tắc hạch toán tiền mặt tại quỹ**

Mọi khoản thu, chi, bảo quản tiền mặt do thủ quỹ chịu trách nhiệm thực hiện.

Mỗi doanh nghiệp thường xuyên phải có một lượng tiền mặt nhất định theo định mức phục vụ cho nhu cầu chi tiêu thường xuyên, số còn lại phải gửi vào ngân hàng, kho bạc hoặc công ty tài chính.

Kế toán tiền mặt phải theo dõi, kiểm tra thường xuyên liên tục số hiện có, tình hình biến động tiền mặt.

Khi thu chi tiền mặt phải đóng dấu đã thu, đã chi vào chứng từ thu chi.

Cuối ngày, thủ quỹ phải căn cứ vào chứng từ thu chi vào sổ quỹ lập báo cáo quỹ, gửi sổ quỹ kèm báo cáo quỹ cùng chứng từ gốc cho kế toán vốn bằng tiền, phải kiểm kê số tồn quỹ thực tế, đối chiếu với sổ sách kế toán, nếu có sai lệch phải cùng kế toán tìm nguyên nhân.

### **1.2.3 chứng từ kế toán sử dụng**

Phiếu thu (Mẫu số 01 - TT)

Phiếu thu do kế toán lập thành 3 liên, ghi đầy đủ các nội dung trên phiếu và ký vào phiếu thu, sau đó chuyển cho kế toán trưởng soát xét và giám đốc ký duyệt, chuyển cho thủ quỹ làm thủ tục nhập quỹ. Sau khi đã nhận đủ số tiền, thủ quỹ ghi số tiền thực tế nhập quỹ (bằng chữ) vào phiếu thu trước khi ký và ghi rõ họ tên. Thủ quỹ giữ lại 1 liên để ghi sổ quỹ, 1 liên giao cho người nộp tiền, 1 liên lưu nơi lập phiếu. Cuối ngày toàn bộ phiếu thu kèm theo chứng từ gốc chuyển cho kế toán để ghi sổ kế toán.

Phiếu chi (Mẫu số 02 - TT)

Phiếu chi được lập thành 3 liên và chỉ sau khi có đủ chữ ký (Ký theo từng liên) của người lập phiếu, kế toán trưởng, giám đốc, thủ quỹ mới được xuất quỹ.

Sau khi nhận đủ số tiền người nhận tiền phải ghi số tiền đã nhận bằng chữ, ký tên và ghi rõ họ, tên vào phiếu chi.

Liên 1 lưu ở nơi lập phiếu.

Liên 2 thủ quỹ dùng để ghi sổ quỹ và chuyển cho kế toán cùng với chứng từ gốc để vào sổ kế toán.

Liên 3 giao cho người nhận tiền.

- Giấy đề nghị tạm ứng (Mẫu số 03 - TT)
- Giấy đề nghị thanh toán (Mẫu số 05 - TT)
- Biên lai thu tiền (Mẫu số 06 – TT)
- Bảng kê vàng bạc, kim khí quý, đá quý (mẫu số 07 – TT )
- Bảng kiểm kê quỹ ( dùng cho VNĐ) ( mẫu số 08a – TT)
- Bảng kiểm kê quỹ ( dùng cho ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý ) ( mẫu số 08b – TT )
- Bảng kê chi tiền ( Mẫu số 09 – TT )
- Hoá đơn GTGT

Tài khoản sử dụng và kết cấu tài khoản:

Đề hạch toán tiền mặt tại quỹ , kế toán sử dụng TK 111 “Tiền mặt”. Tài khoản 111 dùng để phản ánh tình hình thu , chi tồn quỹ tiền mặt gồm tiền Việt Nam (kể cả ngân phiếu) , ngoại tệ , vàng bạc , kim khí, đá quý của doanh nghiệp.

#### **1.2.4. Tài khoản sử dụng:**

Đề hạch toán tiền mặt tại quỹ kế toán sử dụng TK 111 “Tiền mặt”. Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 111:

❖ **Kết cấu TK 111 như sau:**

Nợ	TK 111	Có
<p><b>Số dư đầu kỳ:</b> Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý còn tồn quỹ tiền mặt từ kỳ trước.</p> <p><b>Phát sinh tăng :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ;</li> <li>- Số tiền mặt, ngoại tệ vàng bạc, kim khí quý, đá quý thừa ở quỹ phát hiện khi kiểm kê;</li> <li>- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (đối với tiền mặt ngoại tệ)</li> </ul>	<p><b>Phát sinh giảm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý xuất quỹ;</li> <li>- Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý thiếu hụt ở quỹ phát hiện khi kiểm kê;</li> <li>- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ đối</li> </ul>	
<b>Tổng PS tăng</b>	<b>Tổng PS giảm</b>	
<p><b>Số dư cuối kỳ:</b> Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý còn tồn quỹ tiền mặt cuối kỳ này.</p>		

- Tài khoản 1111 - Tiền Việt Nam: Phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tiền Việt Nam tại quỹ tiền mặt.

- Tài khoản 1112 - Ngoại tệ: Phản ánh tình hình thu, chi, tăng, giảm tỷ giá và tồn quỹ ngoại tệ tại quỹ tiền mặt theo giá trị quy đổi ra Đồng Việt Nam.

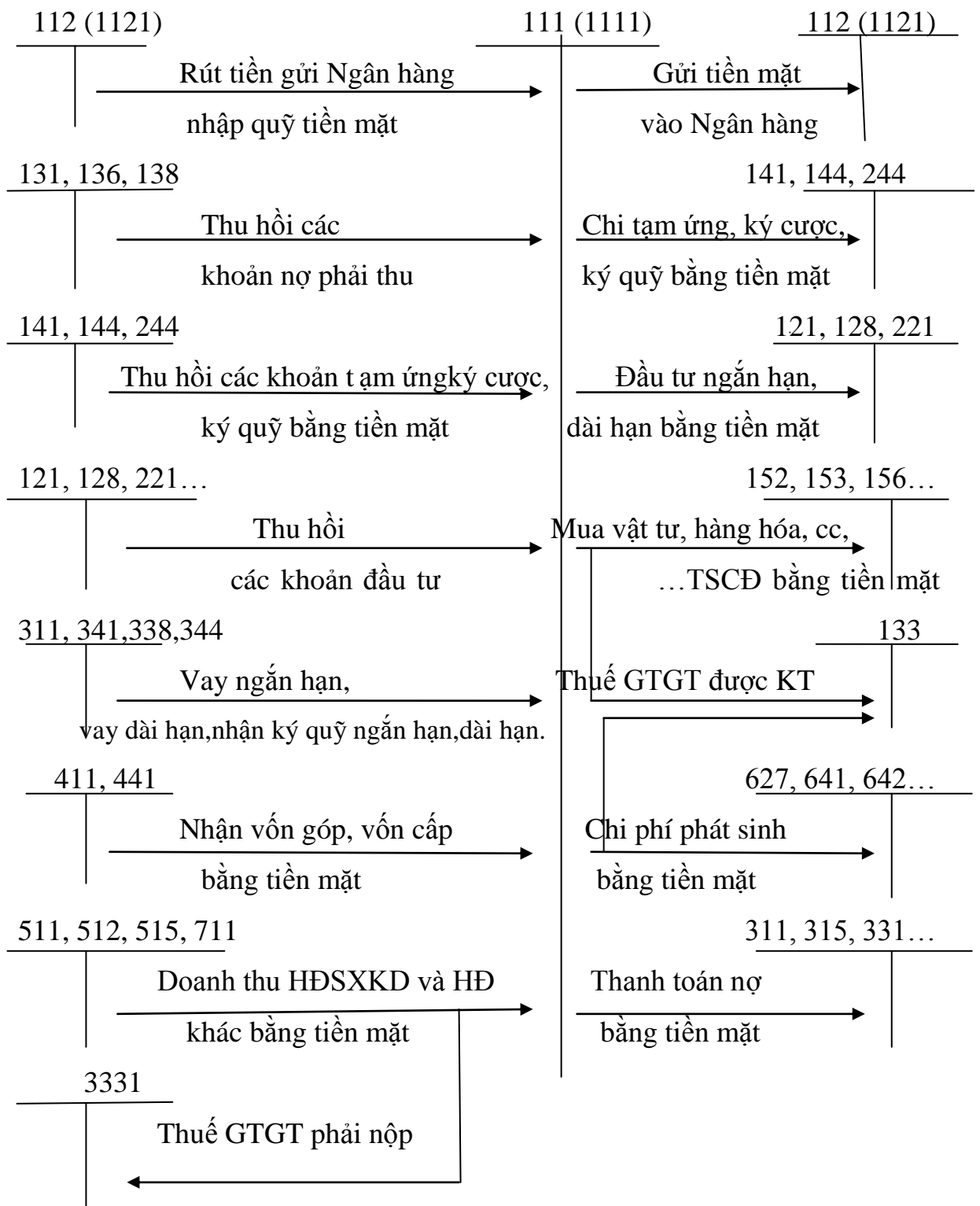
- Tài khoản 1113 - Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý: Phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập, xuất, tồn quỹ.

### 1.2.5 Phương pháp hạch toán kế toán một số hoạt động kinh tế chủ yếu

#### 1.2.5.1 Kế toán tình hình biến động tiền mặt Việt Nam

Kế toán tiền mặt bằng tiền Việt Nam được thể hiện qua sơ đồ 1.1 như sau:

**Sơ đồ 1.1. Kế toán tiền mặt (VNĐ)**



**1.2.5.2 Kế toán tình hình biến động ngoại tệ tại quỹ:**

Đối với các đơn vị sản xuất, kinh doanh, khi phát sinh các nghiệp vụ về thu, chi ngoại tệ, kế toán phải thực hiện ghi sổ kế toán phải thực hiện ghi sổ kế toán và lập báo cáo kế toán bằng đơn vị tiền tệ thống nhất là “đồng” Việt Nam. Ngoài ra, nguyên tệ phải được theo dõi chi tiết trên tài khoản 007 “Ngoại tệ các loại” theo từng tài khoản “Tiền mặt”, “Tiền gửi ngân hàng”, “Tiền đang chuyển” (khi tăng ghi Nợ, khi giảm ghi Có) và trên sổ kế toán chi tiết công nợ phải thu, phải trả (với nợ có gốc ngoại tệ). Cuối kỳ, căn cứ vào số dư của các tài khoản phản ánh tiền bằng ngoại tệ, các tài khoản phản ánh khoản phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ để điều chỉnh theo tỷ giá thực tế. Theo chế độ hiện hành, các nghiệp vụ liên quan đến ngoại tệ được quy định hạch toán như sau:

Đối với tài khoản thuộc loại doanh thu, hàng tồn kho, tài sản cố định, chi phí sản xuất kinh doanh, chi phí khác, bên Nợ các tài khoản vốn bằng tiền, ...: khi phát sinh các nghiệp vụ kinh tế bằng ngoại tệ phải được ghi sổ kế toán bằng Đồng Việt Nam, hoặc bằng đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Đối với bên Có của các tài khoản vốn bằng tiền: khi phát sinh các nghiệp vụ kinh tế bằng ngoại tệ phải được ghi sổ kế toán bằng Đồng Việt Nam, hoặc bằng đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán theo tỷ giá ghi trên sổ kế toán (tỷ giá bình quân cả kỳ dự trữ; tỷ giá nhập trước, xuất trước, ...).

Đối với bên Có của các tài khoản nợ phải trả, hoặc bên Nợ của các tài khoản nợ phải thu: khi phát sinh các nghiệp vụ kinh tế bằng ngoại tệ phải được ghi sổ kế toán bằng Đồng Việt Nam, hoặc bằng đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán theo tỷ giá giao dịch. Cuối năm tài chính, các số dư Nợ phải trả hoặc dư Nợ phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá

giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm cuối năm tài chính.

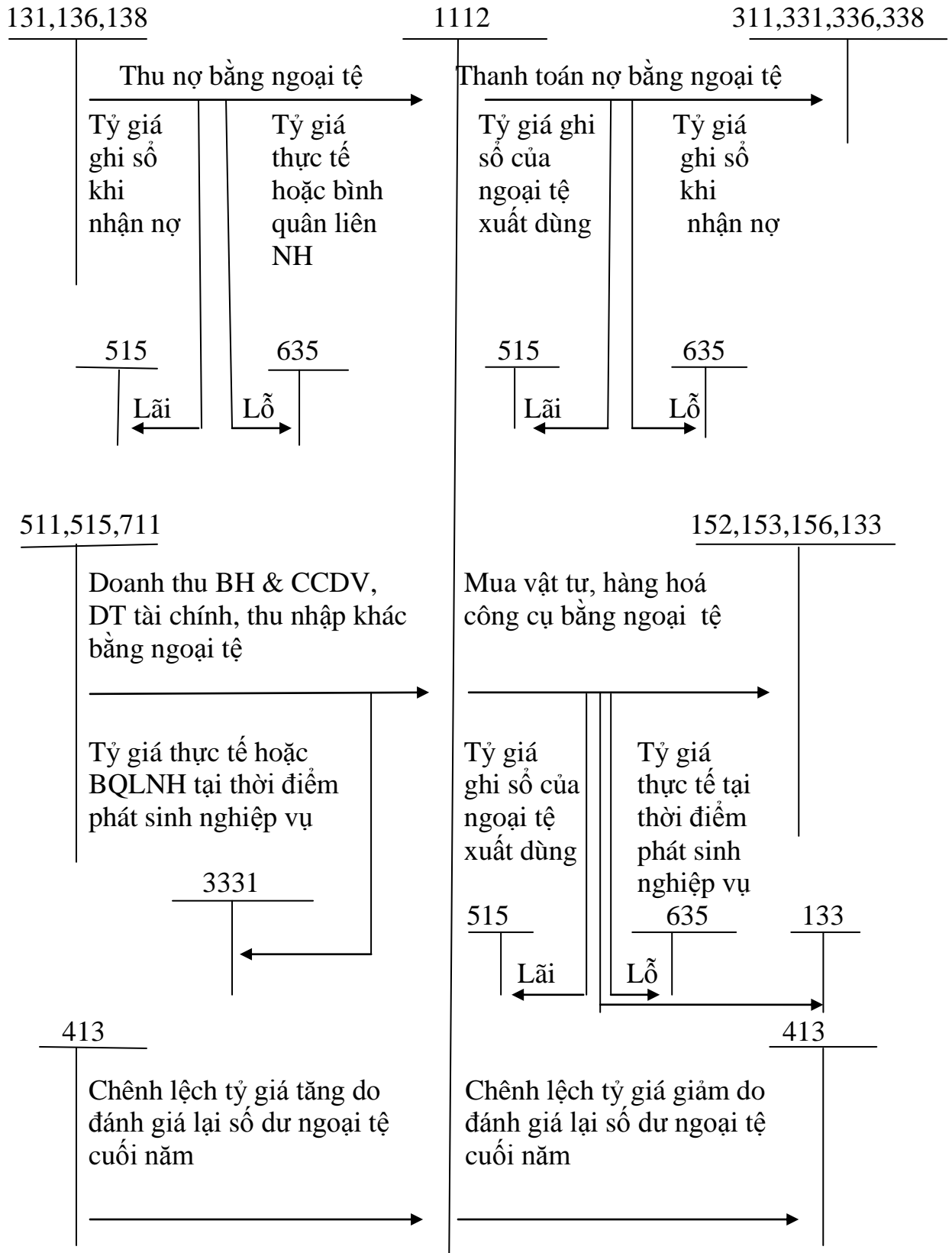
Đối với bên Nợ của các tài khoản nợ phải trả hoặc bên Có của các tài khoản nợ phải thu: khi phát sinh các nghiệp vụ kinh tế bằng ngoại tệ phải được ghi sổ kế toán bằng Đồng Việt Nam, hoặc bằng đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán theo tỷ giá ghi trên sổ kế toán.

Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ: cuối năm tài chính, doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản mục này theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán cuối năm tài chính.

Đối với các trường hợp mua, bán ngoại tệ bằng Đồng Việt Nam: kế toán ghi sổ theo tỷ giá thực tế mua, bán. Tuy nhiên, trong thực tế, những qui định trên đây chỉ phù hợp với các doanh nghiệp phát sinh ít nghiệp vụ liên quan đến ngoại tệ. Đối với các doanh nghiệp phát sinh nhiều nghiệp vụ liên quan đến ngoại tệ: để giảm nhẹ việc ghi sổ kế toán, có thể sử dụng tỷ giá hạch toán để ghi chép ở các tài khoản phản ánh tiền, các tài khoản phải thu và các tài khoản phải trả có gốc ngoại tệ. Riêng đối với các khoản chi phí cho các hoạt động kinh doanh; chi mua sắm vật tư, tài sản, hàng hoá; các khoản doanh thu bán hàng, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập hoạt động khác bằng ngoại tệ phải được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Khoản chênh lệch về tỷ giá được ghi trực tiếp vào doanh thu hay chi phí tài chính.

Kế toán tổng hợp thu chi tiền mặt bằng ngoại tệ được thể hiện qua sơ đồ 1.2:

**Sơ đồ 1.2. Kế toán tiền mặt ngoại tệ**





Tất cả các nghiệp vụ trên đều phải đồng thời ghi đơn TK 007- Ngoại tệ các loại

007

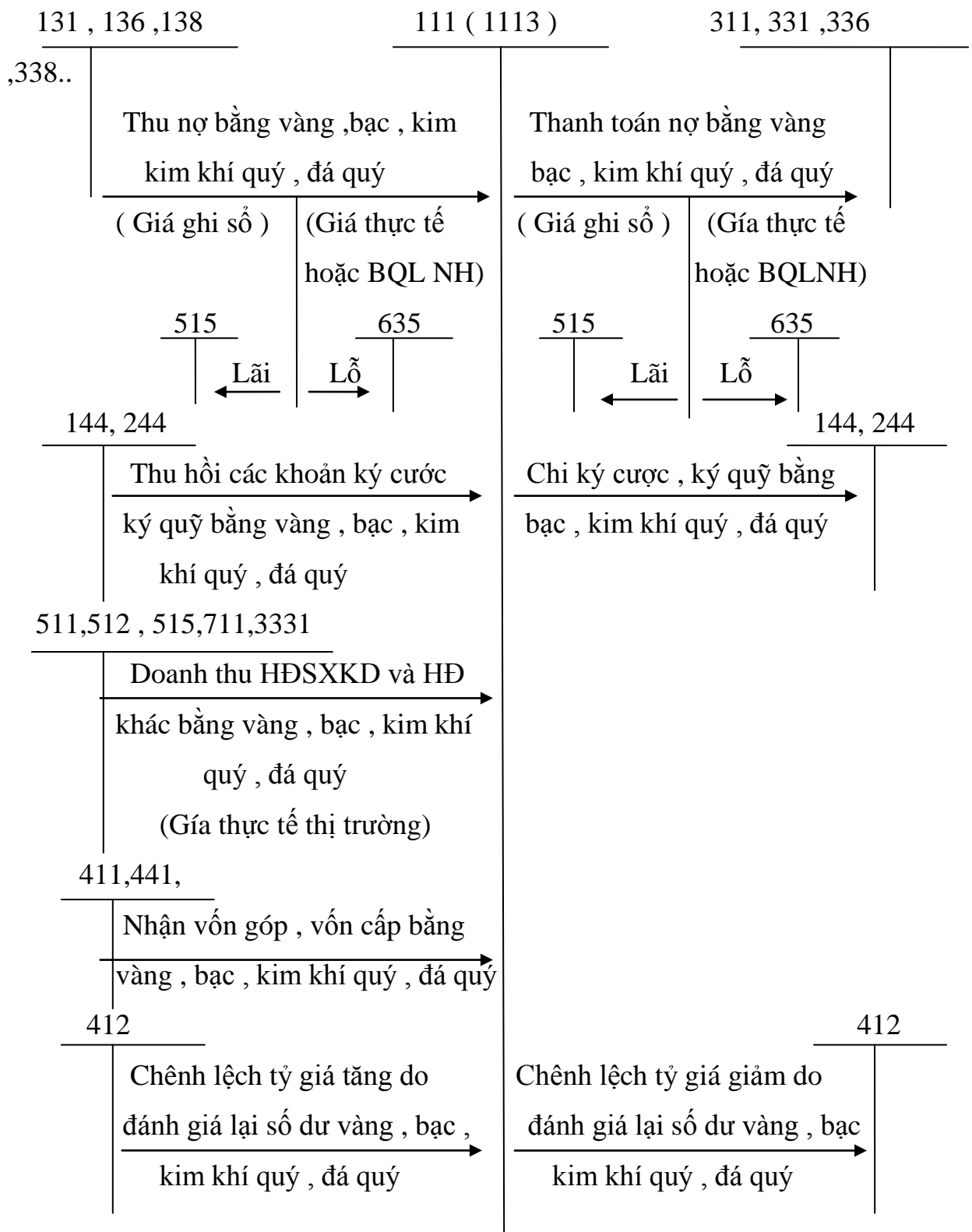
Thu nợ bằng ngoại tệ Doanh thu, doanh thu tài chính, thu nhập khác bằng ngoại tệ	Thanh toán nợ bằng ngoại tệ Mua vật tư, hàng hoá, công cụ bằng ngoại tệ
--	---

### ***1.2.5.3. Kế toán tình hình biến động vàng, bạc, kim khí, đá quý tại quỹ:***

Đối với các doanh nghiệp không có chức năng kinh doanh vàng bạc, đá quý, khi có nghiệp vụ phát sinh liên quan đến các tài sản này thì phản ánh vào tài khoản 111(1113). Do vàng bạc, đá quý có giá trị cao nên khi mua cần có đầy đủ các thông tin như: Ngày mua, mẫu mã, độ tuổi, giá thanh toán... Các loại vàng, bạc, đá quý được ghi sổ theo giá thực tế mua vào và tính giá vốn thực tế bán theo các phương pháp như: phương pháp giá đơn vị bình quân; nhập trước, xuất trước; nhập sau, xuất trước hay phương pháp đặc điểm riêng. Song từng loại vàng bạc, đá quý lại có những đặc điểm riêng và giá trị khác nhau nên sử dụng phương pháp đặc điểm riêng để tính giá vàng bạc, đá quý xuất dùng là chính xác nhất.

Kế toán vàng, kim khí quý, đá quý tại quỹ đ ư ợ c thể hiện qua sơ đồ 1.3 sau:

**Sơ đồ 1.3. Kế toán vàng, bạc, kim khí quý, đá quý tại quỹ**



### **1.3.Kế toán tiền gửi ngân hàng**

#### **1.3.1.Nguyên tắc hạch toán tiền gửi ngân hàng**

Khi phát hành các chứng từ tài khoản TGNH, các doanh nghiệp chỉ được phép phát hành trong phạm vi số dư tiền gửi của mình. Nếu phát hành quá số dư là doanh nghiệp vi phạm kỷ luật thanh toán và phải chịu phạt theo chế độ quy định. Chính vì vậy, kế toán trư ởng phải thường xuyên phản ánh được số dư tài khoản phát hành các chứng từ thanh toán.

Khi nhận được các chứng từ do ngân hàng gửi đến kế toán phải kiểm tra đối chiếu với các chứng từ gốc kèm theo. Trường hợp có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của doanh nghiệp, số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của Ngân hàng thì doanh nghiệp phải thông báo cho ngân hàng để cùng đối chiếu xác minh và xử lý kịp thời. Nếu đến cuối kỳ vẫn chưa xác định rõ nguyên nhân chênh lệch thì kế toán ghi sổ theo giấy báo hay bản sao kê của Ngân hàng. Số chênh lệch được ghi vào các Tài khoản chờ xử lý. (TK 138.3- tài sản thiếu chờ xử lý, TK 338.1- Tài sản thừa chờ xử lý). Sang kỳ sau phải tiếp tục kiểm tra đối chiếu tìm nguyên nhân chênh lệch để điều chỉnh lại số liệu đã ghi sổ.

Trường hợp doanh nghiệp mở TK TGNH ở nhiều ngân hàng thì kế toán phải tổ chức hạch toán chi tiết theo từng ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra đối chiếu. Tại những đơn vị có bộ phận phụ thuộc cần mở tài khoản chuyên thu, chuyên chi phù hợp để thuận tiện cho công tác giao dịch, thanh toán. kế toán phải mở sổ chi tiết để giám sát chặt chẽ tình hình sử dụng từng loại tiền gửi nói trên.

Trường hợp gửi tiền vào ngân hàng bằng ngoại tệ thì phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc giao dịch bình quân trên thị trường tiền tệ liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh. Trường hợp mua ngoại tệ gửi vào ngân hàng được phản ánh theo tỷ giá mua thực tế phải trả.

Trường hợp rút tiền gửi từ ngân hàng bằng ngoại tệ thì được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá đang phản ánh trên sổ kế toán TK 1122 theo một trong các phương pháp: bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, thực tế đích danh.

Trong giai đoạn sản xuất kinh doanh (kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản của doanh nghiệp sản xuất kinh doanh) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền gửi ngoại tệ nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch này được hạch toán vào bên có TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính” (lãi tỷ giá) hoặc vào bên nợ TK 635 “Chi phí tài chính” (lỗ tỷ giá).

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch tỷ giá liên quan đến tiền gửi ngoại tệ này được hạch toán vào TK 413 “Chênh lệch tỷ giá hối đoái”.

### **1.3.2. Chứng từ sử dụng**

- Giấy báo nợ, giấy báo có, bản sao kê của ngân hàng.
- Séc chuyển khoản, séc định mức, séc bảo chi, uỷ nhiệm thu, uỷ nhiệm chi.

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ “Báo Nợ”, “Báo Có” của ngân hàng ghi vào các sổ kế toán tổng hợp. Kế toán tiền gửi ngân hàng sử dụng các sổ kế toán tổng hợp tùy thuộc vào hình thức kế toán đơn vị áp dụng.

### **1.3.3. Kết cấu và tài khoản kế toán sử dụng**

#### **a. Tài khoản sử dụng**

Tài khoản để hạch toán tiền gửi Ngân hàng là TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng, có 3 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 1121 - Tiền Việt Nam: Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân hàng bằng Đồng Việt Nam.
- Tài khoản 1122 - Ngoại tệ: Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân hàng bằng ngoại tệ các loại đã quy đổi ra đồng Việt Nam
- Tài khoản 1123 - Vàng, bạc, kim loại quý, đá quý: Phản ánh giá trị vàng,

bạc, kim loại quý, đá quý, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân hàng.

### **b. Kết cấu**

\* Để phản ánh tình hình tăng giảm và số hiện có về các khoản tiền gửi của doanh nghiệp, kế toán sử dụng tài khoản 112 – “Tiền gửi ngân hàng”, tài khoản này có kết cấu như sau:

<b>Nợ</b>	<b>112</b>	<b>Có</b>
<p><b>Số dư đầu kỳ:</b> Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý gửi vào ngân hàng tồn từ kỳ trước.</p> <p><b>Số phát sinh tăng</b> Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý gửi vào ngân hàng Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ cuối kỳ.</p> <p><b>Số dư cuối kỳ</b> Số tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý hiện còn gửi tại ngân hàng.</p>	<p><b>Số phát sinh giảm</b> Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý ra từ ngân hàng. Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ cuối kỳ.</p>	

### **1.3.4. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu về tiền gửi ngân hàng**

#### **1.3.4.1. Kế toán tiền gửi ngân hàng bằng tiền Việt Nam**

##### **a. Chứng từ sử dụng**

- Giấy báo có
- Giấy báo nợ
- Bản sao kê của Ngân hàng

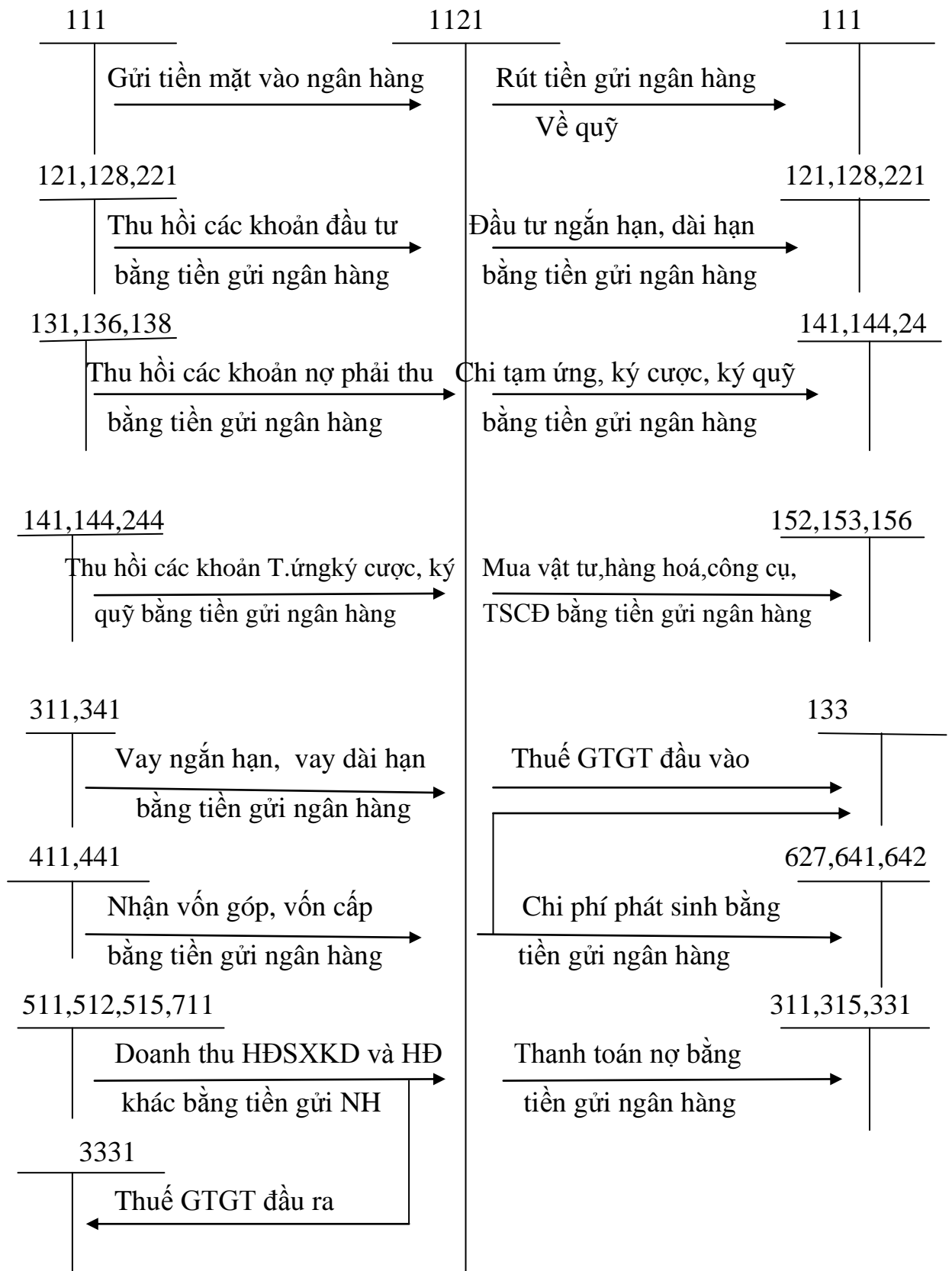
Các chứng từ khác như séc chuyển khoản, séc định mức, séc bảo chi, ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu...

Căn cứ để hạch toán tiền gửi ngân hàng là giấy báo có, giấy báo nợ hoặc bảng kê của ngân hàng kèm theo các chứng từ gốc (ủy nhiệm thu, chi)

Khi nhận các chứng từ của ngân hàng gửi đến, kế toán phải kiểm tra đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Trường hợp có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của đơn vị, số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của ngân hàng thì đơn vị phải thông báo cho ngân hàng để cùng đối chiếu xác minh và xử lý kịp thời nếu cuối tháng vẫn chưa xác định rõ nguyên nhân của chênh lệch thì kế toán ghi sổ theo số liệu trong giấy báo hay bảng sao kê của ngân hàng. Sang tháng sau phải tiếp tục kiểm tra, đối chiếu và tìm ra nguyên nhân chênh lệch để điều chỉnh số liệu ghi sổ.

***b. Tài khoản sử dụng*** : TK 1121 - Tiền gửi Việt Nam

**Sơ đồ 1.4. Kế toán tiền gửi ngân hàng bằng tiền Việt Nam**



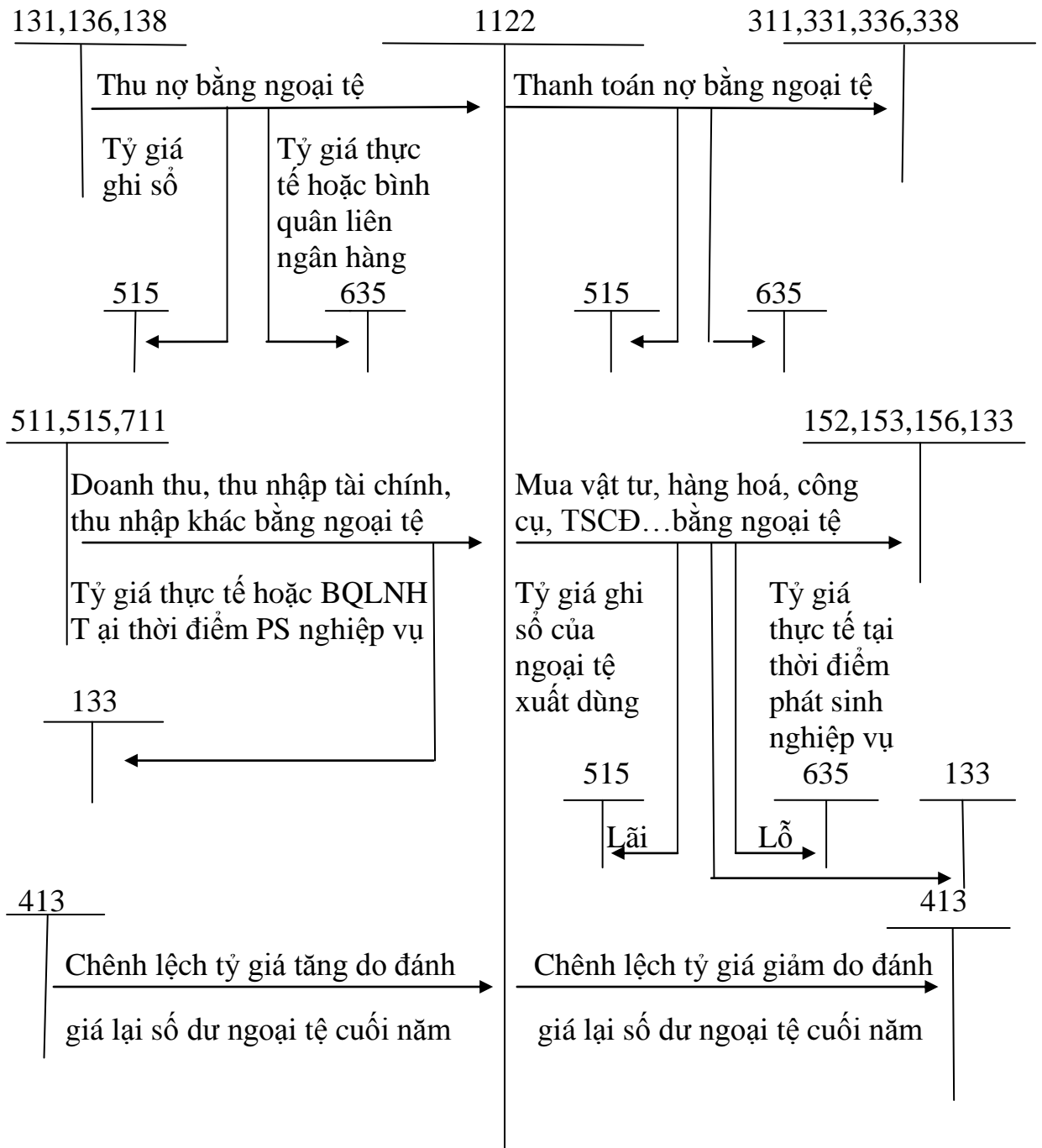
**1.3.4.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ:**

Ở thời điểm cuối năm tài chính, doanh nghiệp phải đánh giá các khoản tiền gửi ngoại tệ theo tỷ giá hối đoái ở thời điểm cuối năm tài chính là tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam công bố tại thời điểm cuối năm tài chính. Doanh nghiệp phải hạch toán chi tiết khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ này của hoạt động đầu tư XDCB giai đoạn trước hoạt động vào TK 4132 và của hoạt động sản xuất, kinh doanh vào TK 4131.

Kế toán tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được thể hiện qua sơ đồ sau:  
(sơ đồ 1.5)



**Sơ đồ 1.5. Kế toán tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ**



Tất cả các nghiệp vụ trên đều phải đồng thời ghi đơn TK 007- Ngoại tệ các loại

007

Thu nợ bằng ngoại tệ	Thanh toán nợ bằng ngoại tệ
Doanh thu, doanh thu tài chính, thu nhập khác bằng ngoại tệ	Mua vật tư, hàng hoá, công cụ bằng ngoại tệ

#### 1.4.Kế toán tiền đang chuyển

##### 1.4.1. Nội dung chủ yếu của kế toán tiền đang chuyển

Tiền đang chuyển là các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào ngân hàng, kho bạc Nhà nước, đã qua bưu điện để chuyển qua ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có; trả cho đơn vị khác hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại ngân hàng để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo Nợ hay bảng sao kê của ngân hàng.

Tiền đang chuyển bao gồm tiền Việt Nam và ngoại tệ đang chuyển trong các trường hợp sau:

- ✓ Thu tiền mặt hoặc séc nộp thẳng vào ngân hàng
- ✓ Chuyển tiền qua bưu điện để trả cho đơn vị khác
- ✓ Thu tiền bán hàng nộp thuế vào kho bạc nhà nước

Tiền đang chuyển là tài sản bằng tiền, thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, đang nằm trong quá trình trung gian khi những nghiệp vụ kinh tế chưa hoàn thành. Đây là một trong những nội dung cần quản lý chặt chẽ nhằm thực hiện tốt những trách nhiệm khác, không để sai sót khi những nghiệp vụ kinh tế cuối chưa hoàn thành.

##### 1.4.2. Chứng từ sử dụng:

- ✓ Giấy nộp tiền
- ✓ Biên lai thu tiền
- ✓ Phiếu chuyển tiền
- ✓ Một số chứng từ khác liên quan

**1.4.3. Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 113 “ Tiền đang chuyển” có 2 tài khoản cấp 2

- ✓ TK 1131 “ Tiền Việt Nam” phản ánh số tiền Việt nam đang chuyển
- ✓ TK 1132 “ Ngoại tệ” phản ánh số ngoại tệ đang chuyển

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 113

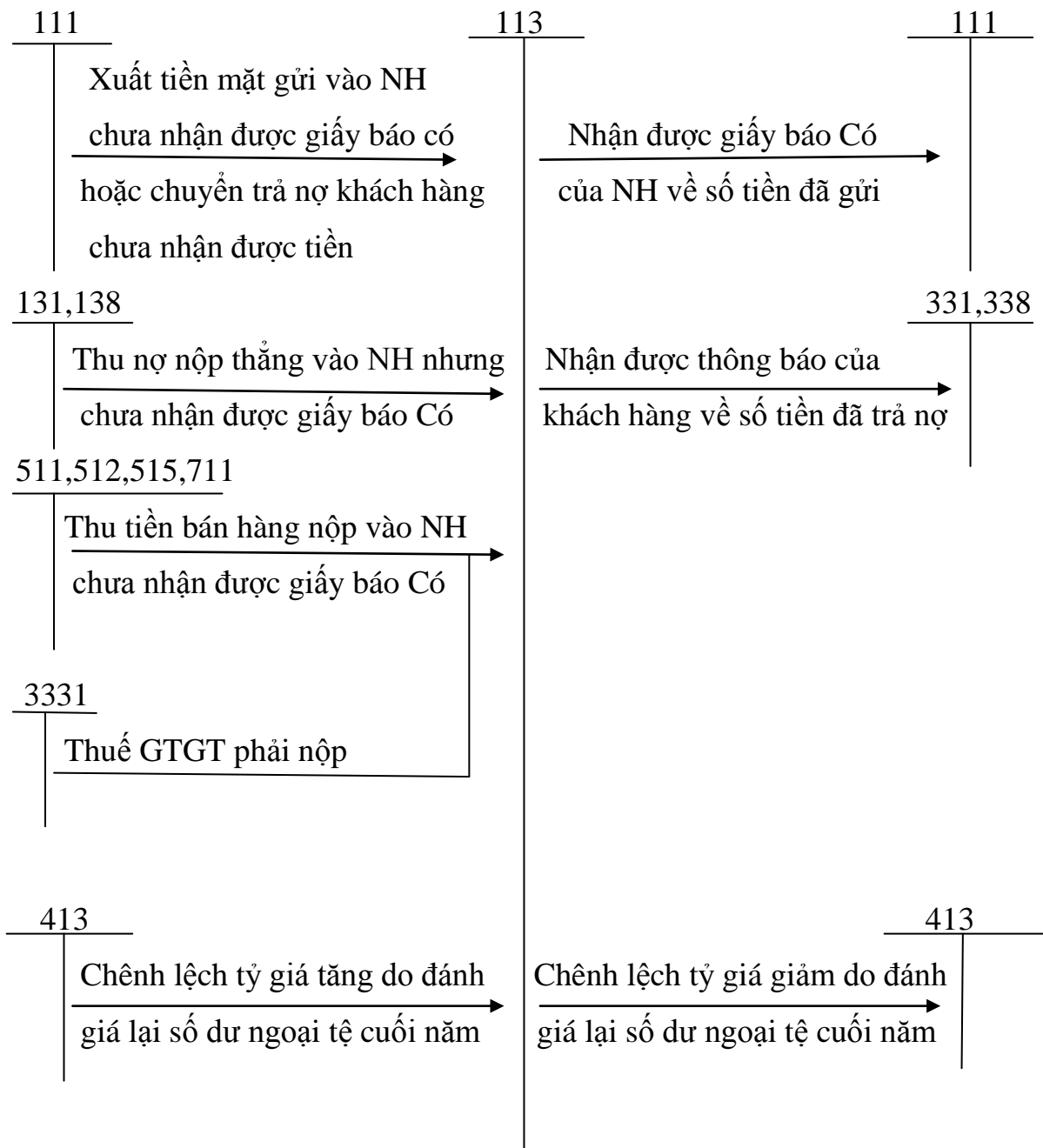
**1.4.4. Phương pháp hạch toán:**

Nợ	113	Có
<p><b>Số dư đầu kỳ:</b> Các khoản tiền còn đang chuyển cuối kỳ trước</p> <p><b>Số phát sinh tăng</b>            Các khoản tiền mặt hoặc séc bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ đã nộp vào ngân hàng hoặc đã gửi bưu điện để chuyển vào ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có            Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ</p> <p><b><u>Số dư cuối kỳ</u></b>            Khoản tiền đang còn chuyển cuối kỳ.</p>	<p><b>Số phát sinh giảm</b>            Số kết chuyển vào TK 112 “ Tiền gửi ngân hàng” hoặc tài khoản có liên quan            Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ</p>	

**1.4.5. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu về tiền đang chuyển**

Kế toán tiền đang chuyển được thể hiện qua sơ đồ 1.6:

**Sơ đồ 1.6. Kế toán tiền đang chuyển**



### **1.5. Tổ chức vận dụng sổ sách trong công tác kế toán vốn bằng tiền trong DN.**

Hình thức ghi sổ kế toán trong doanh nghiệp bao gồm: Số lượng các mẫu sổ, kết cấu từng loại sổ, trình tự và phương pháp ghi chép từng loại sổ, mối quan hệ giữa các loại sổ kế toán với nhau và giữa sổ kế toán và báo cáo kế toán.

Việc lựa chọn nội dung và hình thức ghi sổ kế toán cho phù hợp với doanh nghiệp phụ thuộc vào một số điều kiện sau:

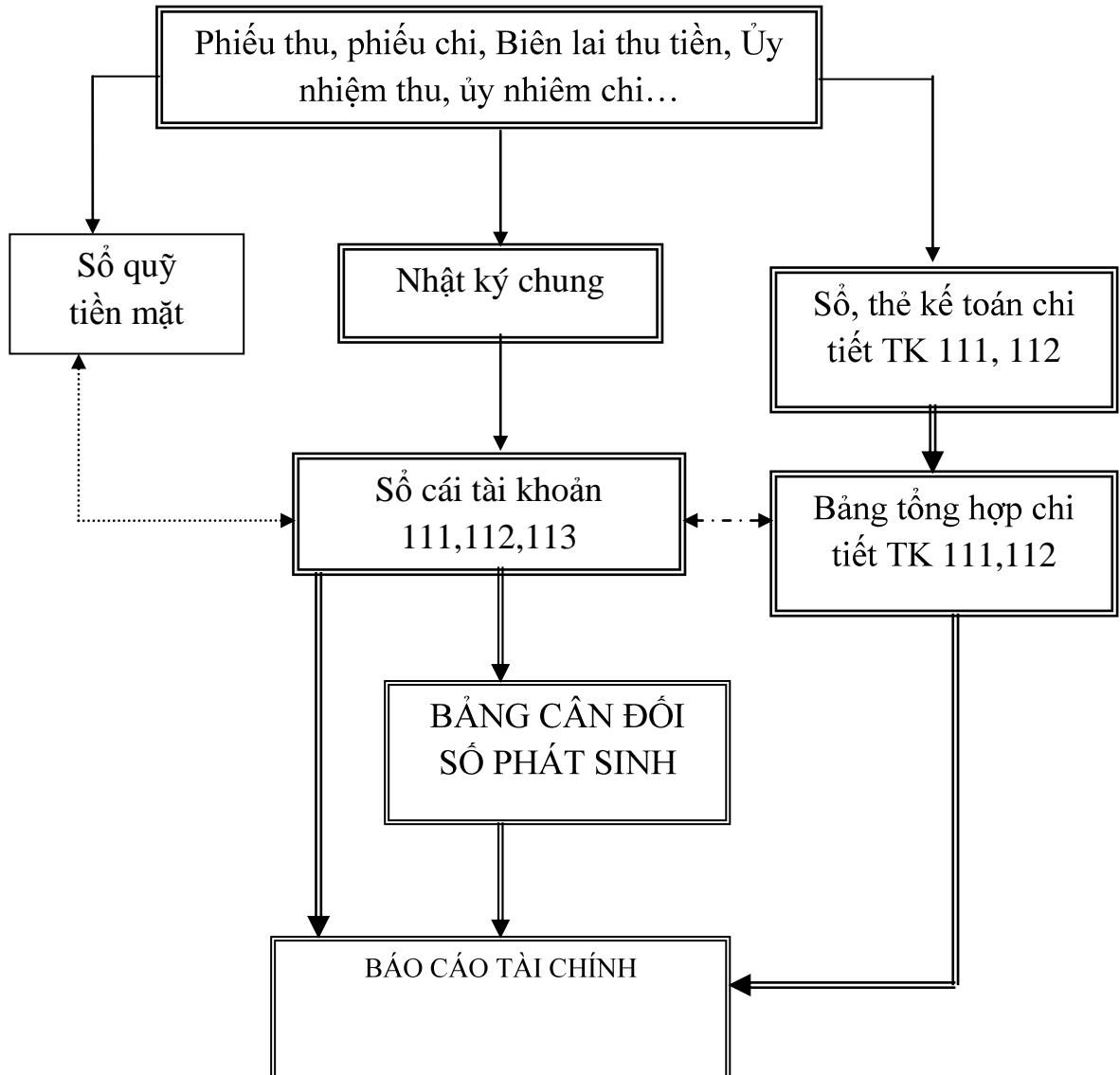
- ✓ Đặc điểm của từng loại hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tính chất phức tạp của hoạt động tài chính, quy mô doanh nghiệp lớn hay nhỏ, khối lượng nghiệp vụ kinh tế phát sinh nhiều hay ít
- ✓ Yêu cầu của công tác quản lý, trình độ của cán bộ quản lý
- ✓ Trình độ nghiệp vụ và năng lực công tác của nhân viên kế toán
- ✓ Điều kiện và thương tiện vật chất phục vụ cho công tác kế toán.

Hiện nay theo chế độ quy định có 5 hình thức ghi sổ kế toán sau:

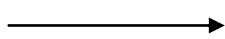
- Hình thức Nhật ký chung
- Hình thức Nhật ký – sổ cái
- Hình thức Chứng từ ghi sổ
- Hình thức Nhật ký – chứng từ
- Hình thức Kế toán máy

Tùy theo đặc điểm sản xuất kinh doanh và quy mô của doanh nghiệp mà mỗi doanh nghiệp lựa chọn hình thức ghi sổ khác nhau.

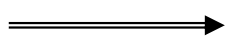
**Sơ đồ 1.7. Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức kế toán nhật ký chung**



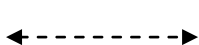
\* Ghi chú:



Ghi hàng ngày



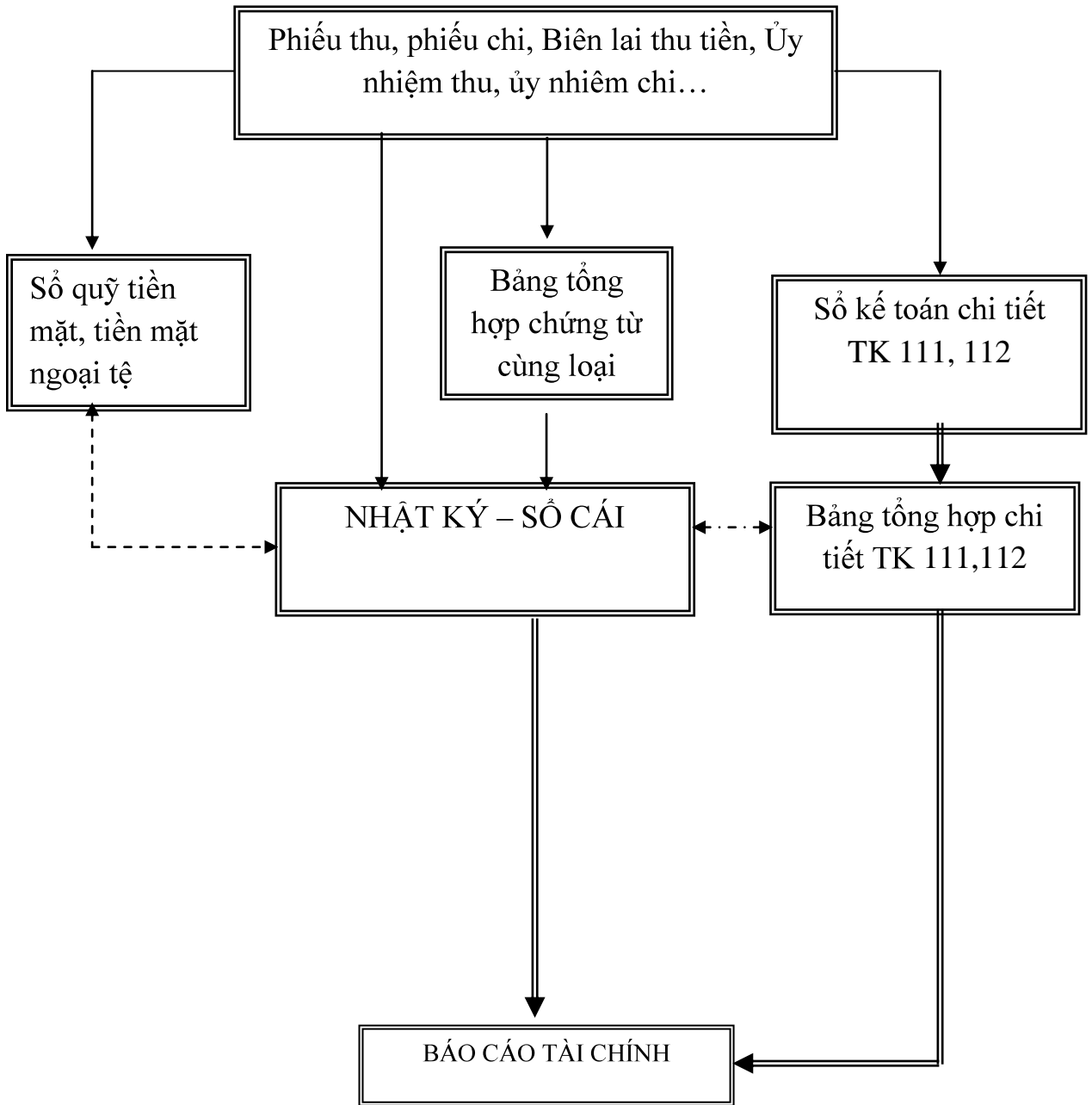
Ghi cuối tháng



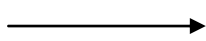
Quan hệ đối chiếu

Hàng ngày căn cứ vào phiếu thu, phiếu chi, giấy báo nợ, giấy báo có... hợp lệ kế toán định khoản kế toán rồi ghi vào sổ NKC theo thứ tự thời gian. Trường hợp đơn vị mở sổ nhật ký đặc biệt thì hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ nhật ký đặc biệt. Sau đó căn cứ vào số liệu trên sổ NKC để ghi vào sổ cái TK111,112,113. Đồng thời với việc ghi sổ NKC các nghiệp vụ được ghi vào sổ kế toán chi tiết TK111,112,113. Cuối tháng, cuối quý ,cuối năm cộng số liệu trên sổ cái để lập bảng cân đối phát sinh số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng giữa sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết thì được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

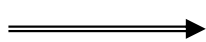
**Sơ đồ 1.8. Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức kế toán nhật ký – sổ cái**



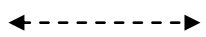
\* Ghi chú:



Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng

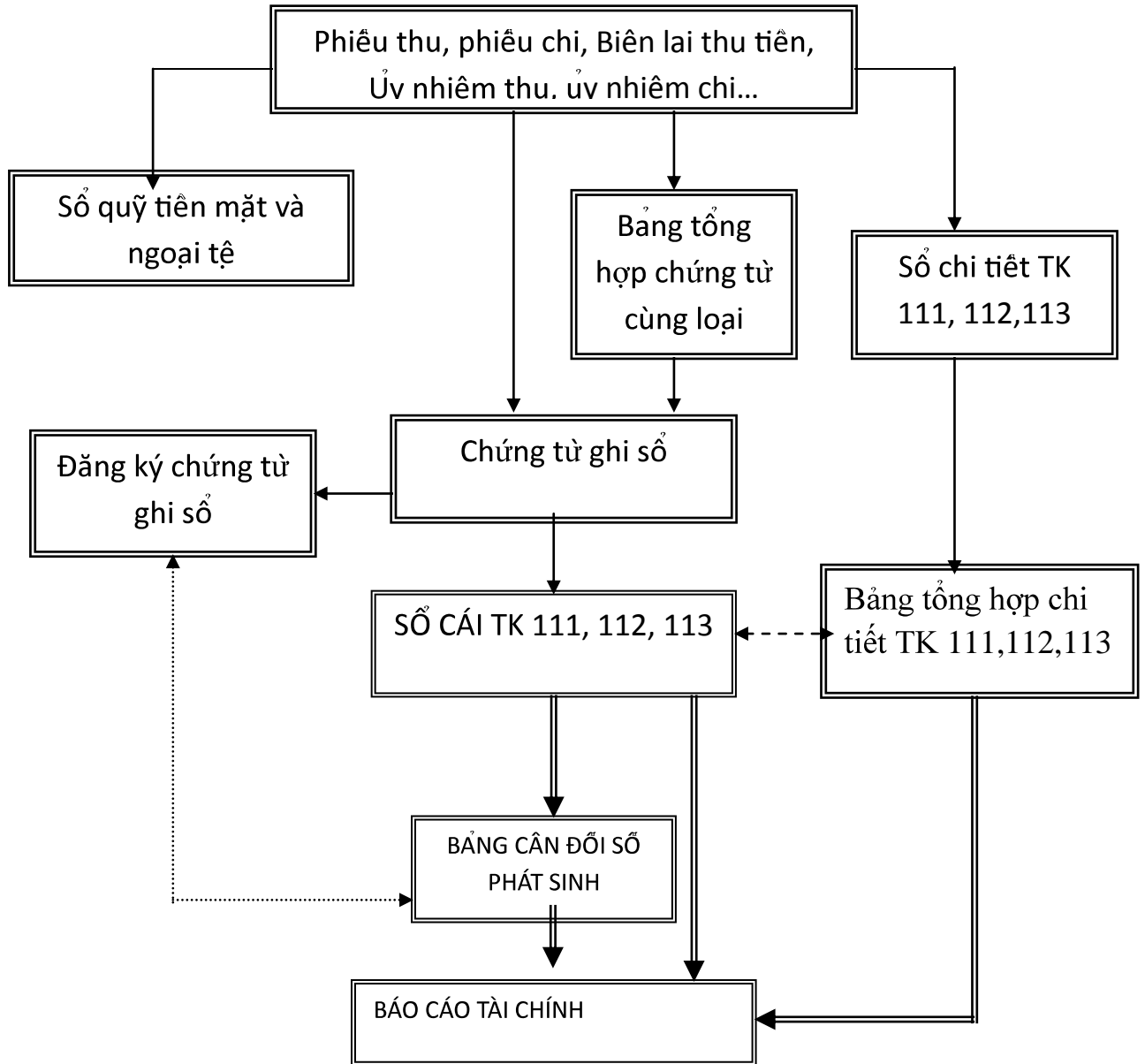


Quan hệ đối chiếu



Hàng ngày kế toán căn cứ vào phiếu thu, phiếu chi, giấy báo nợ, giấy báo có...hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại để ghi vào sổ Nhật ký - sổ cái. Chứng từ kế toán và bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi sổ Nhật ký - sổ cái, được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết TK111,112. Sau khi khóa sổ thẻ kế toán chi tiết cuối tháng (cuối quỹ) lập bảng tổng hợp chi tiết TK111,112 và đối chiếu với sổ nhật ký - sổ cái. Số liệu trên Nhật ký- sổ cái và trên bảng tổng hợp chi tiết sau khi khóa sổ được kiểm tra đối chiếu nếu khớp đúng sẽ được sử dụng để lập Báo cáo tài chính.

**Sơ đồ 1.9. Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ**

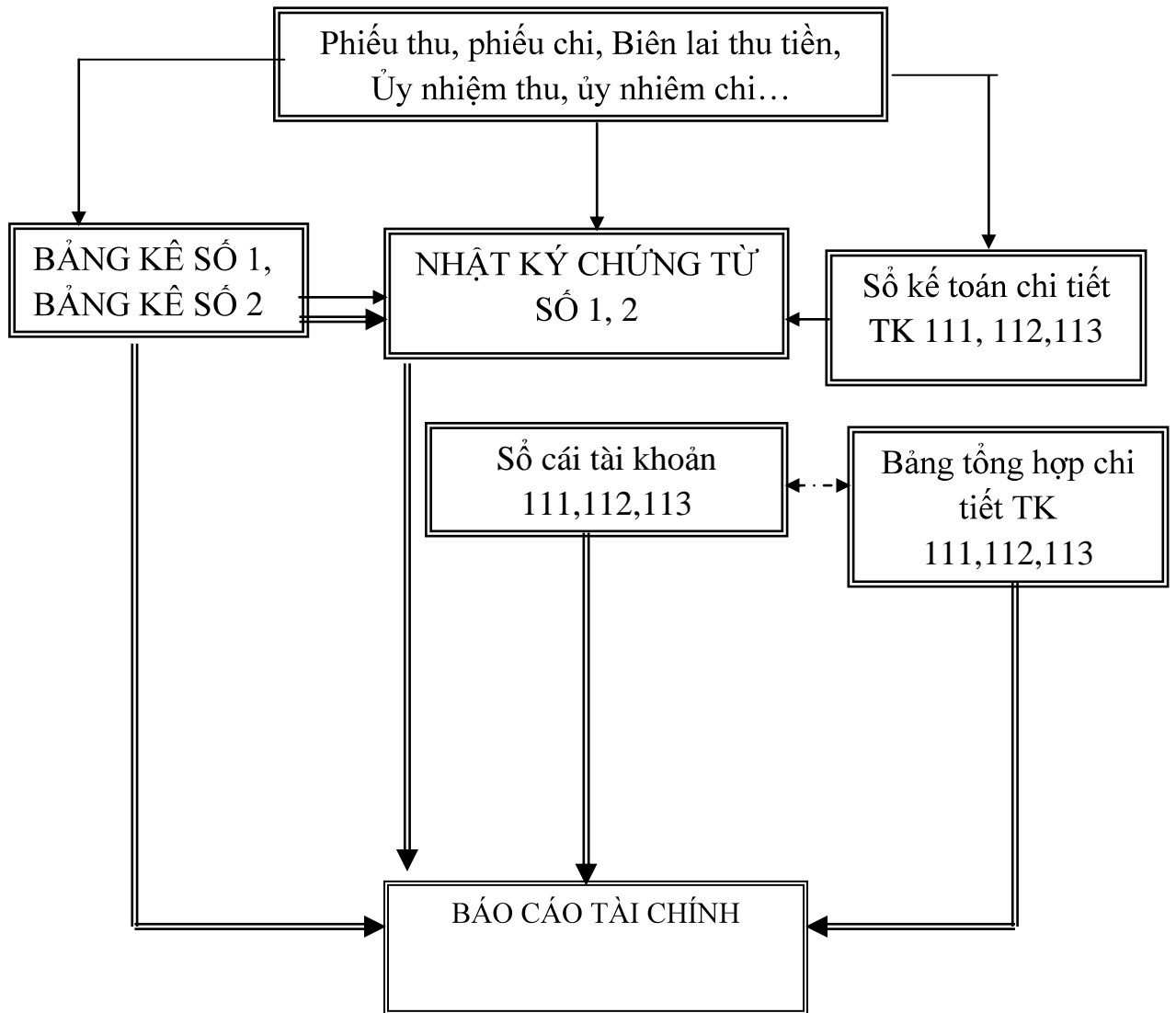


\* Ghi chú:

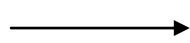
- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng
- > Quan hệ đối chiếu

Hằng ngày căn cứ vào phiếu thu, phiếu chi, giấy báo nợ, giấy báo có... hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, kế toán lập chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào sổ cái TK111,112,113. Cuối tháng, cuối quý căn cứ vào sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã đối chiếu sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập báo cáo tài chính.

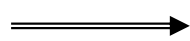
**Sơ đồ 1.10. Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức kế toán nhật ký – chứng từ**



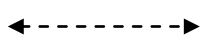
\* Ghi chú:



Ghi hàng ngày



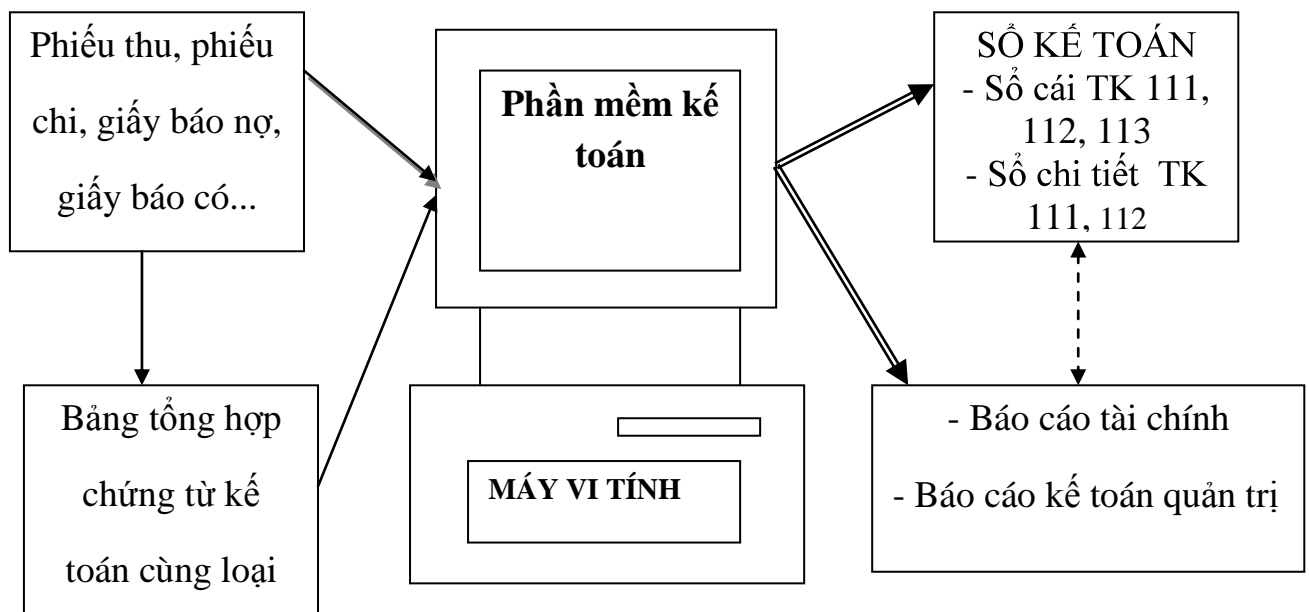
Ghi cuối tháng



Quan hệ đối chiếu

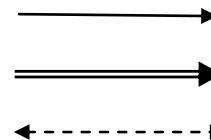
Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc ghi trực tiếp vào các Nhật ký - chứng từ hoặc bản kê, sổ chi tiết có liên quan. Cuối tháng khóa sổ cộng số liệu trên các nhật ký chứng từ kiểm tra đối chiếu số liệu trên các nhật ký chứng từ với các sổ thẻ kế toán chi tiết TK111,112,113, bảng tổng hợp chi tiết TK111,112,113 rồi ghi trực tiếp vào sổ cái TK111,112,113. Số liệu tổng cộng ở sổ cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong Nhật ký chứng từ số 1, số 2, bảng kê số 1, số 2 và các bảng tổng hợp chi tiết TK111,112,113 được dùng để lập báo cáo tài chính.

**Sơ đồ 1.11. Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức kế toán trên máy vi tính**



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày
- In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- Đối chiếu, kiểm tra



Hàng ngày kế toán căn cứ vào phiếu thu, phiếu chi, giấy báo nợ, giấy báo có... hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại để nhập dữ liệu vào máy tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán. Cuối tháng (cuối quý) hoặc bất kỳ thời điểm nào cần thiết kế toán thực hiện thao tác khóa sổ và lập báo cáo tài chính. Cuối tháng, cuối quý, hoặc cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

**CHƯƠNG 2****THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI  
CÔNG TY CỔ PHẦN VILACO****2.1. Tổng quan về công ty cổ phần VILACO****2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty CP VILACO**

Tên gọi: Công ty cổ phần VILACO  
Tên viết tắt: VILACO  
Địa chỉ: KCN An Đông- An Dương- Hải Phòng  
Điện thoại: 031.3570723  
Fax; 031.3570726  
Mã số thuế: 0200574869 tại ngân hàng Ngô Quyền – Hải Phòng  
Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Mộng Lân – Giám đốc.

Công ty được thành lập tháng 12 năm 2003 theo quyết định của ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng. Đăng ký kinh doanh số 0203000653 do Sở kế hoạch và đầu tư cấp. Vốn hoạt động do nhiều thành viên góp trong đó 80% của công ty TNHH VICO- nhà sản xuất bột giặt và chất tẩy hàng đầu tại Việt Nam.

Lịch sử hình thành của công ty cổ phần VILACO gắn liền với quá trình phát triển và cạnh tranh chia sẻ thị phần với các nhãn hiệu hóa mỹ phẩm nổi tiếng của công ty VICO.

Kể từ khi Đảng và Nhà nước chủ trương thực hiện chính sách mở cửa, nền kinh tế Việt Nam đã có những bước tiến đáng kể. Với hơn 80 triệu dân, thị trường Việt Nam là một trong những thị trường giàu tiềm năng cho các ngành công nghiệp nói chung và ngành hóa mỹ phẩm nói riêng phát triển. Chính điều này đã tạo ra cuộc cạnh tranh khốc liệt trong ngành giữa các tập đoàn nước ngoài với các doanh nghiệp trong nước. Kết quả là chỉ sau 5 năm cạnh tranh, hầu hết các doanh nghiệp Việt Nam đã buộc phải chấp nhận gia công thuê hoặc chuyển hướng kinh doanh hoặc chấp nhận phá sản. Đến năm

2000 công ty VILACO là một trong số ít ỏi các công ty trong ngành hóa mỹ phẩm tồn tại với đúng ngành nghề đã đăng ký.

Sau 4 năm tham gia thị trường (2001- 2004), thương hiệu VICO đã trở thành nhãn hiệu mạnh, có uy tín và độ tin cậy cao tại Việt Nam.

Tiếp bước thành công của Vico là sự thành công của công ty cổ phần VILACO vào năm 2003 khi mà Vico chưa đáp ứng được đầy đủ nhu cầu của thị trường.

Công ty cổ phần VILACO là một trong những công ty thành viên của công ty TNHH VICO được thành lập vào tháng 12 năm 2003

Ngay từ khi mới thành lập, công ty cổ phần VILACO đã hoạch định chiến lược phát triển 10 năm (2003- 2013) của mình theo 2 giai đoạn:

- Giai đoạn 1 (2003- 2008): khẳng định sự tồn tại của doanh nghiệp, đưa sản phẩm tiêu thụ trên thị trường miền Bắc, miền Trung, miền Nam và thị trường nước ngoài của một số nước đang phát triển.

- Giai đoạn 2( 2008- 2013): đưa sản phẩm tiêu thị trên toàn lãnh thổ Việt Nam và xuất khẩu rộng sang thị trường quốc tế.

Trong giai đoạn 1 VILACO tập trung cho việc xây dựng chất lượng sản phẩm, kênh phân phối, giá bán phù hợp với mặt bằng của thị trường. VILACO cho tới nay đã phát triển được hơn 7 năm, đã đạt được những kết quả nhất định theo chiến lược phân phối giai đoạn 1 và bước sang giai đoạn 2. Cụ thể sản phẩm hóa mỹ phẩm của công ty VILACO đã được giải thưởng có uy tín của các tổ chức hội chợ trong nước và người tiêu dùng bình chọn, sản phẩm của VILACO đã được xuất khẩu sang I rắc, Đài Loan, Trung Quốc, Lào...

Trong giai đoạn 2, VILACO sẽ phát triển đa dạng hóa các sản phẩm mỹ phẩm theo các giới tính khác nhau, đối tượng khách hàng ở các vùng miền, quốc gia khác nhau.



Về tình hình hoạt động kinh doanh: hàng năm công ty cổ phần VILACO đều đặt ra kế hoạch hoạt động và lấy đó làm cơ sở để cố gắng hoàn thành kế hoạch.

*Mục tiêu và phương hướng phát triển của công ty:*

Sản phẩm của VILACO chiếm 20- 25% thị trường của Việt Nam không kể hàng xuất khẩu. Phân khúc thị trường cho người nghèo là chính ( 85% ), phân khúc thị trường cho tầng lớp thượng lưu là (15%)

Xây dựng hệ thống bán hàng mạnh bao gồm: 120 đến 130 nhà phân phối trên cả nước, phụ trách 7 vùng, 1500 đến 2000 nhân viên bán hàng.

Để thực hiện mục tiêu trên công ty VILACO lựa chọn phương án sản phẩm

“Chất lượng tốt nhất- giá hợp lý nhất và quyền lợi hệ hồng bán hàng cao nhất”

Liên tục hoàn chỉnh công nghệ sản xuất, cải tiến bộ máy quản lý gọn nhẹ năng động để:

“Đảm bảo chất lượng, thỏa mãn khách hàng”

Với phương hướng trên VILACO tin tưởng sẽ đạt mục tiêu đề ra.

Ngay từ đầu mới thành lập Công ty cổ phần VILACO gặp rất nhiều khó khăn trong công việc, đội ngũ cán bộ công nhân viên còn trẻ thiếu cả kinh nghiệm lẫn thực tế. Tuy nhiên dựa vào năng lực, sự năng động, sáng tạo, nhiệt tình và ham học hỏi của ban lãnh đạo và đội ngũ cán bộ công nhân viên mà tình hình công ty đã được cải thiện, thành tích công ty qua các năm tăng lên rõ rệt thông qua các chỉ tiêu qua bảng sau:

Chỉ tiêu	Năm 2011 (T i đồng)	Năm 2012 (T i đồng)	Chênh lệch	
			Số tiền	Tỷ lệ( %)
Doanh thu bán hàng	96.26	162.72	66.46	69%
Tổng lợi nhuận trước thuế	0.044	5.07	5.026	114%
Tổng lợi nhuận sau thuế	0.044	5.07	5.026	114%

Những năm qua ban lãnh đạo công ty luôn đoàn kết, năng động và thể hiện được bản lĩnh kinh doanh, không ngừng tìm biện pháp khai thác, chiếm lĩnh thị trường. Đời sống của cán bộ công nhân viên trong công ty được cải thiện ở mức độ cao. Công ty luôn chú trọng mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, từng bước nâng cao hiệu quả kinh doanh, tăng lợi nhuận để khẳng định vị thế trên thị trường trong nước cũng như thị trường thế giới.

Ngày 15/3/2008 công ty chính thức cho đi vào hoạt động nhà máy sản xuất bột giặt lớn nhất Việt Nam với công suất 50.000 tấn/ năm. Đây là cơ hội lớn và cũng là thách thức không nhỏ đối với công ty trước vấn đề đáp ứng đầy đủ nhu cầu của thị trường về cả số lượng cũng như chất lượng.

### **2.1.2. Một số thuận lợi, khó khăn của công ty cổ phần VILACO**

#### **2.1.2.1. Thuận lợi**

- Có được thị trường tiềm năng ở khu vực nông thôn, chất lượng giá cả sản phẩm luôn được đặt lên hàng đầu, tạo được niềm tin nơi khách hàng, giúp công ty thu hút được khách hàng tiềm năng.

- Có được sự ủng hộ của chính quyền các cấp, các ngành và sự đánh giá cao của khách hàng.

- Bộ máy lãnh đạo quản lý điều hành công ty là những cán bộ có năng lực chuyên môn, nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực hóa mỹ phẩm, có năng lực cao trong quản lý điều hành doanh nghiệp, đáp ứng được yêu cầu hội nhập.

- Công ty có một lực lượng cán bộ công nhân viên cam kết gắn bó xây dựng đơn vị, đội ngũ công nhân trẻ có tay nghề cao, năng động sáng tạo, có

kinh nghiệm trong quản lý và điều hành sản xuất. Tập thể công ty luôn đoàn kết thống nhất, quyết tâm thực hiện và hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao.

- Có được một kênh phân phối khá hoàn thiện và chất lượng phục vụ tốt.

- Chiến lược kinh doanh của công ty là tận dụng, khai thác hợp lý các tiềm năng đa dạng hóa các loại hình sản xuất kinh doanh, mở rộng địa hình đầu tư và sản xuất công nghiệp, với chiến lược đó những năm qua công ty đã đạt được những thành công trong lĩnh vực kinh doanh.

- Về tiềm lực tài chính: Công ty có nguồn vốn kinh doanh lớn, từ vốn điều lệ là 20.500.000.000 đồng ( trong đó nhà nước giữ 35.9%)

- Đời sống người dân ngày càng nâng cao khiến thị trường hóa mỹ phẩm của nước ta ngày càng phát triển trong tương lai.

#### **2.1.2.2. Khó khăn**

- Sự cạnh tranh trong lĩnh vực hóa mỹ phẩm ngày càng trở quyết liệt với nhiều đối thủ lớn, có nhiều hàng hóa mỹ phẩm mới ra nhập thị trường.

- Sản phẩm của công ty chưa chiếm lĩnh được thị trường thành thị - nơi có sức tiêu thị lớn và đa dạng.

- Nguồn nguyên liệu chưa ổn định nên công ty phải nhập khẩu khiến giá thành bị tăng lên.

- Công nghệ sản xuất hóa mỹ phẩm rất đa dạng và phát triển nhanh nên công ty gặp khó khăn trong việc cập nhật những công nghệ này.

#### **2.1.3 Đặc điểm tổ chức của sản xuất kinh doanh của công ty**

- Công ty chuyên sản xuất kinh doanh các sản phẩm sau:

- Sản xuất kinh doanh chất tẩy rửa và hóa mỹ phẩm

- Dịch vụ xuất nhập khẩu

- Kinh doanh nguyên vật liệu, hóa chất thông thường và thành phẩm

- Sản xuất kinh doanh nước tinh lọc, nước giải khát

#### **2.1.4 Công nghệ sản xuất của công ty**

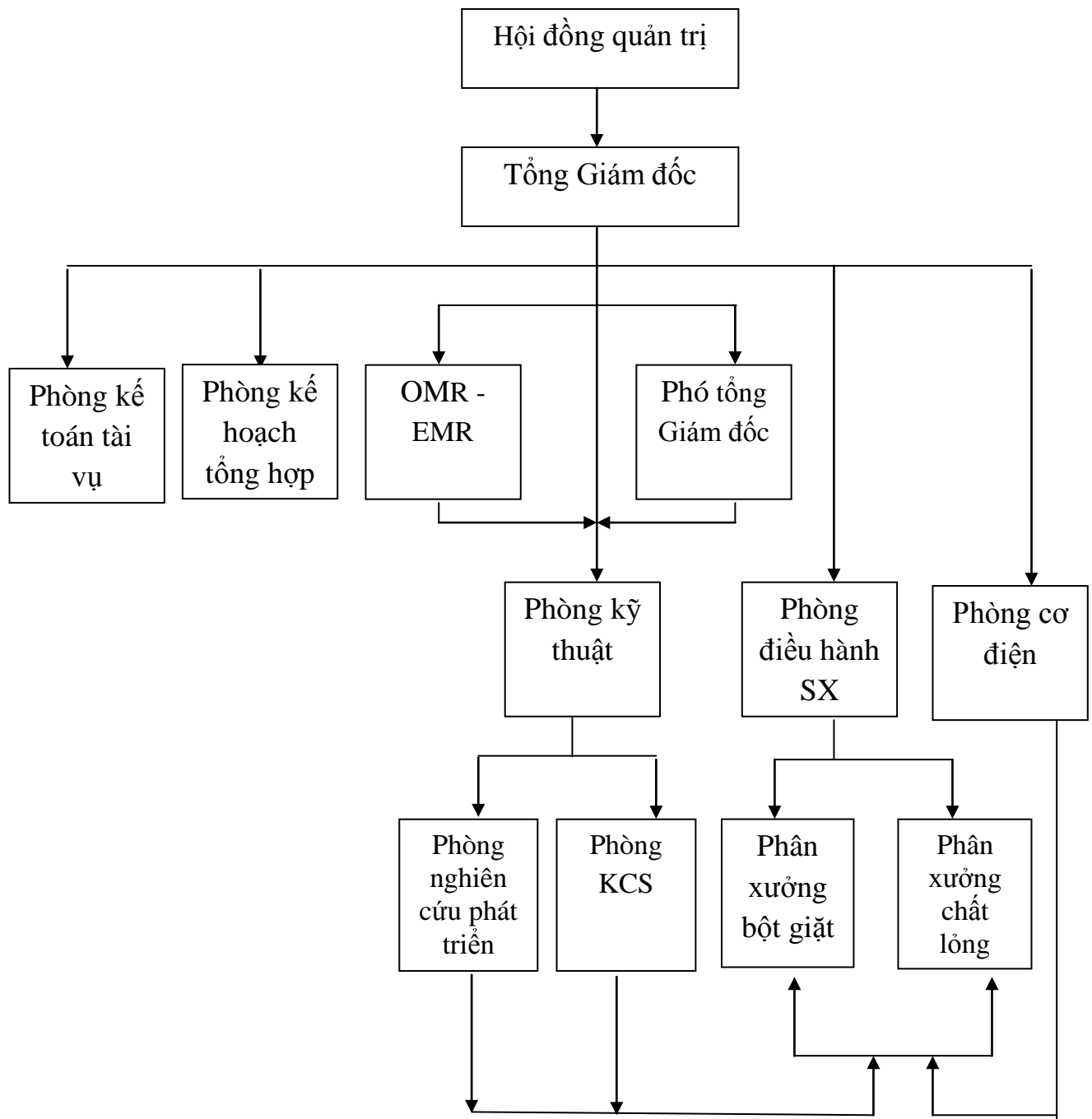
Quy trình công nghệ SX SP của công ty được tổ chức theo mô hình liên tục và khép kín từ đầu cho đến khâu cuối cùng. Kế thừa những thành tựu cũng như uy tín từ cổ đông sáng lập lớn nhất là công ty TNHH VICO – một thương

hiệu nổi tiếng trên thị trường bột giặt và chất tẩy rửa Việt Nam, công ty cổ phần VILACO đã không ngừng nâng cao quy trình công nghệ SX nhằm nâng cao năng suất lao động đồng thời tạo ra những SP chất lượng phục vụ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân. Với quan điểm hợp tác với mọi thành phần kinh tế, Công ty cổ phần VILACO luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho các đối tác khác khi giao dịch kinh doanh với công ty. Nhằm kế thừa phát huy thành tựu, uy tín hiện có của cổ đông sáng lập ( Công ty VICO), Công ty quyết định áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2000 để tiếp tục tự hoàn thiện mình, nâng cao khả năng thỏa mãn khách hàng.

#### **2.1.5. Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty cổ phần VILACO**

Để đảm bảo các vị trí làm việc, các phòng ban nhận thức rõ công việc và quyền hạn của mình trong cơ cấu tổ chức của hệ thống chất lượng, công ty đã chủ động phân rõ trách nhiệm giữa các bộ phận, phòng ban theo một cơ cấu, tổ chức hợp lý và khoa học. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp công ty cổ phần VILACO được tổ chức và hoạt động theo luật DN các luật khác có liên quan và điều lệ công ty được đại hội cổ đông nhất trí thông qua. Cơ cấu tổ chức của công ty hiện tại gồm:

**Sơ đồ 2.1: Mô hình tổ chức bộ máy quản lý Công ty cổ phần VILACO**



Chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban:

**Hội đồng quản trị:** Là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty.

**Giám đốc:** Đại diện công ty trước pháp luật, xác định chính sách và mục tiêu chất lượng, phê duyệt sổ tay chất lượng, điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, quyết định cuối cùng- toàn bộ hoạt động của công ty.

**R- EMQMR:** Thiết lập, tổ chức và duy trì các quá trình của hệ thống quản lý chất lượng, báo cáo định kỳ cho giám đốc công ty về hoạt động của hệ thống quản lý chất lượng, quan hệ giao dịch với bên ngoài về các vấn đề có liên quan đến hệ thống quản lý chất lượng.

**Phó giám đốc phụ trách chung kiêm - TP tổng hợp:** Kiểm duyệt về tài chính, công tác tổ chức nhân sự, công tác hành chính sự nghiệp, phối hợp với phòng QLCL tăng cường kiểm duyệt chặt chẽ các khâu kiểm tra của KCS, đồng thời là người lập kế hoạch sản xuất và kế hoạch cung ứng vật tư và NVL.

**Phòng kỹ thuật- KCS:** Xây dựng các quy trình, quy phạm. Kỹ thuật, công nghệ SX, thử nghiệm, kiểm tra, phân tích, xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật NL-SP, kiểm tra, thử nghiệm chất lượng NL, thành phẩm.

**Phòng điều hành sản xuất:** Thực hiện kế hoạch sản xuất của toàn bộ công ty, kiểm tra chất lượng NVL và sản phẩm trong quá trình SX theo yêu cầu kỹ thuật quy định, quản lý, chăm sóc toàn bộ hệ thống thiết bị SX, liên tục nghiên cứu cải tiến quy trình, dụng cụ, thiết bị nhằm hoàn thiện dây chuyền SX, đảm bảo chất lượng, tăng NSLĐ, chịu trách nhiệm về việc thực hiện vệ sinh công nghiệp, bảo vệ môi trường.

**Phòng kế toán tài vụ:** Quyết toán quá trình SX- KD theo quy định nhà nước vào ngày 09 của tháng kế tiếp, kiểm soát thu chi và các hoạt động mua

bán phục vụ SXKD, kiểm soát thanh toán khách hàng và nội bộ, đề xuất, yêu cầu các biện pháp quản lý, điều tiết tài chính công ty.

**Phòng kế hoạch tổng hợp:** Lập kế hoạch SX, theo dõi các mã hàng, làm các thủ tục xuất hàng, vận chuyển hàng hóa, quản lý các kho của công ty.

**Phân xưởng sản xuất:** Quản lý nghiêm ngặt quá trình SX, đảm bảo chất lượng mẫu mã SP, đồng thời hợp lý hóa quy trình công nghệ để nâng cao NSLĐ, tiết kiệm chi phí đem lại hiệu quả kinh tế cao cho công ty.

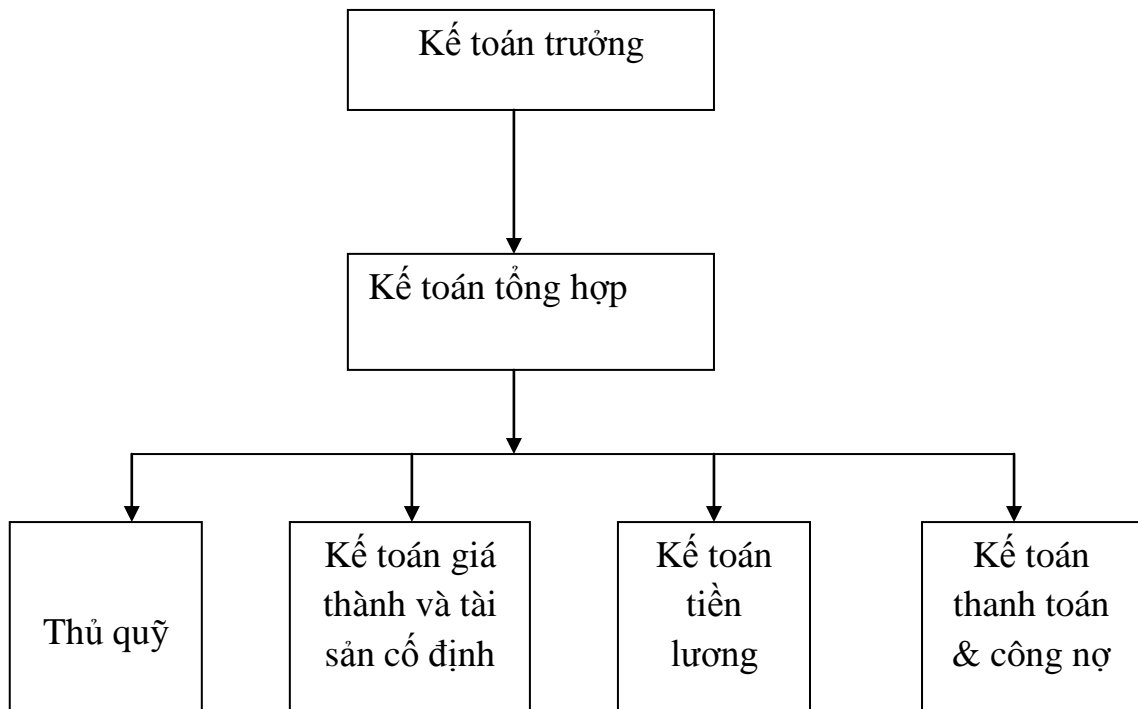
### **2.1.6. Tổ chức công tác kế toán tại công ty cổ phần VILACO**

#### **2.1.6.1. Tổ chức bộ máy kế toán**

Bộ máy kế toán ở công ty gồm 6 nhân viên ngoài ra còn có một thủ kho làm công tác nhập, xuất vật tư cho các phân xưởng, tập hợp chứng từ chi phí ban

đầu, phân loại chứng từ chi phí gửi về phòng tài chính - kế toán công ty. Bộ máy

kế toán được tổ chức theo mô hình tập trung, có nghĩa là đơn vị chỉ mở một bộ sổ kế toán, tổ chức một bộ máy kế toán để thực hiện tất cả các giai đoạn hạch toán tất cả các phần hành kế toán. Với bộ máy kế toán gọn nhẹ nên việc phân công công việc cũng dễ dàng. Hàng ngày chứng từ về phòng kế toán, kế toán thanh toán phân loại, xử lý ghi vào sổ chi tiết, sổ nhật ký chung, chuyển qua kế toán trưởng, cuối tháng lập sổ cái, bảng cân đối kế toán. Quan hệ giữa các nhân viên trong bộ máy kế toán là quan hệ theo kiểu trực tuyến, tức là kế toán trưởng trực tiếp điều hành các nhân viên kế toán phần hành không thông qua trung gian nhận lệnh. Các nhân viên trong bộ máy kế toán có mối liên hệ chặt chẽ qua lại xuất phát từ sự phân công lao động phần hành trong bộ máy kế toán.

**Sơ đồ 2.2. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty cổ phần VILACO****Chức năng nhiệm vụ từng bộ phận:****Kế toán trưởng:**

Phụ trách chung, chịu trách nhiệm trước giám đốc về mọi hoạt động của phòng cũng như các hoạt động khác của công ty có liên quan tới tài chính và theo các hoạt động tài chính của công ty. Thực hiện chính sách, chế độ công tác tài chính kế toán.

**Kế toán tổng hợp:**

Theo dõi số liệu tổng hợp toàn công ty, tham gia quyết toán, tổng hợp số liệu và lập bảng báo cáo tài chính và các báo cáo giải trình khác theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước.

**Kế toán giá thành và tài sản cố định:**

Kế toán TSCĐ có nhiệm vụ phản ánh số hiện có, tình hình tăng giảm về số lượng, chất lượng, tình hình sử dụng TSCĐ, giá trị còn lại của TSCĐ và tính khấu hao TSCĐ. Đồng thời trong kỳ tập hợp và phân bổ chi phí sản xuất và tính giá thành từng đối tượng sản phẩm.



**Kế toán tiền lương:**

Hạch toán tiền lương, tiền thưởng, các khoản khấu trừ vào lương. Theo dõi phân trích nộp và chi trả BHXH, KPCĐ, BHYT, BHTN, làm quyết toán và thanh toán các khoản chi theo quy định.

**Kế toán theo dõi thanh toán và công nợ:**

Theo dõi sát sao tình hình công nợ phải thu về tiền bán sản phẩm, hàng hóa và các dịch vụ khác để nhanh chóng thu hồi vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, tình hình thanh toán các khoản nợ phải trả cho người cung cấp vật tư, hàng hóa cho công ty. Mở sổ theo dõi chi tiết các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo từng đối tượng để có số liệu cung cấp kịp thời khi cần thiết và tập hợp số liệu kê khai thuế GTGT đầu vào theo mẫu biểu quy định

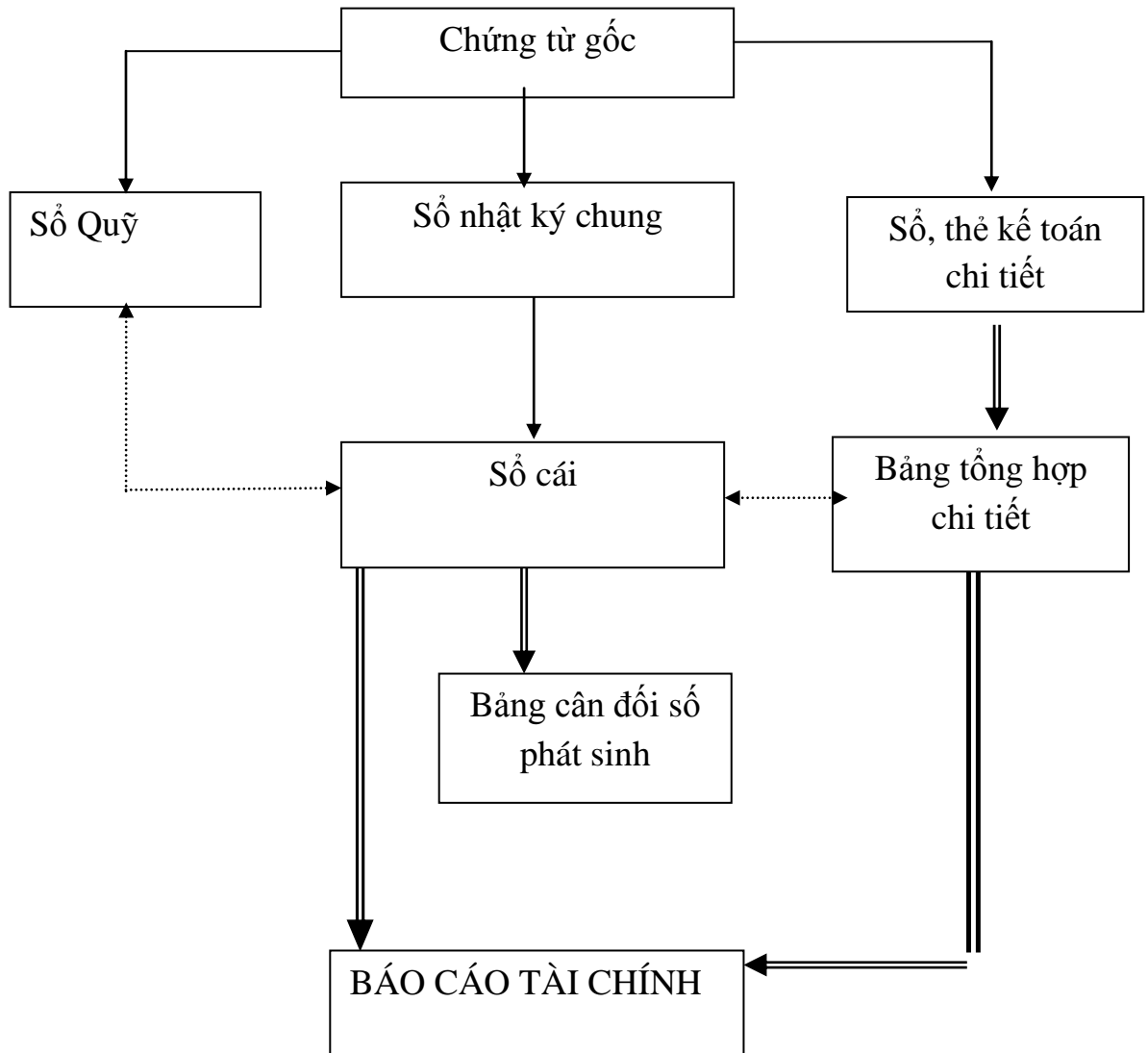
**Thủ quỹ:**

Thủ quỹ có trách nhiệm bảo quản, giữ gìn tiền mặt, không để hư hỏng và mất mát xảy ra. Chịu trách nhiệm thu, chi tiền khi đã kiểm tra và thấy rõ chứng từ có đủ điều kiện để thu, chi. Vào sổ quỹ hằng ngày và lập bảng kiểm kê quỹ vào cuối tháng theo quy định.

**2.1.6.2. Hình thức kế toán, các chính sách kế toán được áp dụng tại công ty cổ phần VILACO*****a) Hình thức ghi sổ kế toán tại công ty cổ phần VILACO***

Để hệ thống hoá và tính toán các chỉ tiêu kinh tế theo yêu cầu quản lý, đồng thời có đội ngũ kế toán tương đối đồng đều về mặt chuyên môn. Vì vậy công ty đã chọn hình thức kế toán “Nhật ký chung”, với hình thức này thì mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phản ánh vào chứng từ gốc. Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc kế toán phân loại và ghi vào sổ thẻ kế toán chi tiết và sổ nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Từ sổ cái, kế toán tập hợp số liệu vào bảng cân đối số phát sinh và báo cáo tài chính.

**Sơ đồ 2.3. Quy trình luân chuyển chứng từ theo hình thức nhật ký chung tại công ty cổ phần VILACO**



Ghi chú:

Nhập số liệu hàng ngày →

Ghi cuối tháng ==>

Đối chiếu, kiểm tra <-.->

**b) Các chính sách kế toán tại công ty cổ phần VILAVO**

- Công ty áp dụng chế độ kế toán và vận dụng hệ thống tài khoản theo QĐ số 15/2006 ban hành ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính.
- Niên độ kế toán: bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán: đồng Việt Nam.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp tính thuế: công ty kê khai và nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp tính khấu hao: công ty áp dụng phương pháp khấu hao đều.
- Phương pháp tính giá xuất kho: phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.

**2.2. Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty cổ VILACO****2.2.1. Kế toán tiền mặt tại quỹ tại công ty cổ phần VILACO**

Tiền mặt là số vốn bằng tiền được thủ quỹ bảo quản trong két sắt an toàn của công ty, thủ quỹ chỉ được xuất tiền ra khỏi quỹ khi có đầy đủ các chứng từ hợp lệ. Công ty không phát sinh hoạt động về ngoại tệ hay vàng bạc, kim loại quý, đá quý.

Nguyên tắc quản lý tiền mặt tại công ty được chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về chế độ quản lý, lưu thông tiền tệ hiện hành của Nhà nước. Kế toán tiền mặt phản ánh các nghiệp vụ thu tiền mặt vào quỹ như thu tiền bán hàng, lĩnh tiền gửi ngân hàng về quỹ, thu tạm ứng và các khoản thu khác. Phản ánh các khoản chi tiền mặt phát sinh trong kỳ kế toán như chi lương cán bộ công nhân viên, lương thưởng, chi tạm ứng, chi nộp ngân hàng, chi thanh toán các hội nghị, tiếp khách, trang thiết bị, công cụ dụng cụ đồ dùng...

Mọi nghiệp vụ liên quan đến thu, chi tiền mặt, giữ gìn, bảo quản do thủ quỹ chịu trách nhiệm thực hiện. Thủ quỹ là người được giám đốc công ty bổ nhiệm và chịu trách nhiệm giữ quỹ. Thủ quỹ là người chịu trách nhiệm bảo quản, quản lý và thực hiện mọi nghiệp vụ có liên quan đến thu chi tiền mặt.

Tất cả khoản thu chi tiền mặt đều có chứng từ hợp lệ (phiếu thu, phiếu chi) và phải có đầy đủ chữ ký của người thu hoặc chi tiền và đóng dấu “ đã thu tiền” lên chứng từ.

Phiếu thu, phiếu chi được lập làm 2 đến 3 liên. Cuối mỗi ngày, căn cứ vào các chứng từ để ghi vào sổ quỹ và lập báo cáo quỹ.

- Phiếu chi được kèm với HĐGTGT ( Liên 2: Giao cho khách hàng)

- Phiếu thu được kèm với HĐGTGT ( Liên 3: Nội bộ)

Thủ quỹ không được nhờ người khác làm thay, trong trường hợp cần thiết phải làm thủ tục ủy quyền cho người khác làm thay và được sự đồng ý bằng văn bản của giám đốc công ty.

Thủ quỹ phải thường xuyên kiểm kê số tiền tồn quỹ thực tế, tiến hành đối chiếu với số liệu của sổ quỹ hoặc sổ kế toán. Nếu chênh lệch thủ quỹ và kế toán phải tự kiểm tra, xác định lại và kiến nghị biện pháp giải quyết.

Kế toán sau khi nhận được báo cáo quỹ (có kèm theo chứng từ gốc) sẽ tiến hành đối chiếu số liệu trên từng chứng từ với số liệu trên sổ quỹ. Sau khi đối chiếu xong kế toán sẽ định khoản để ghi NKC và lên sổ cái TK tiền mặt đồng thời kế toán cũng ghi nhập vào sổ thu, sổ chi tiền mặt.

#### **2.2.1.1. Tài khoản, chứng từ, sổ sách sử dụng**

##### **\* Tài khoản sử dụng:**

Hạch toán tiền mặt tại quỹ của công ty sử dụng tài khoản 111- Tiền mặt (chi tiết TK 1111).

##### **\* Chứng từ sử dụng:**

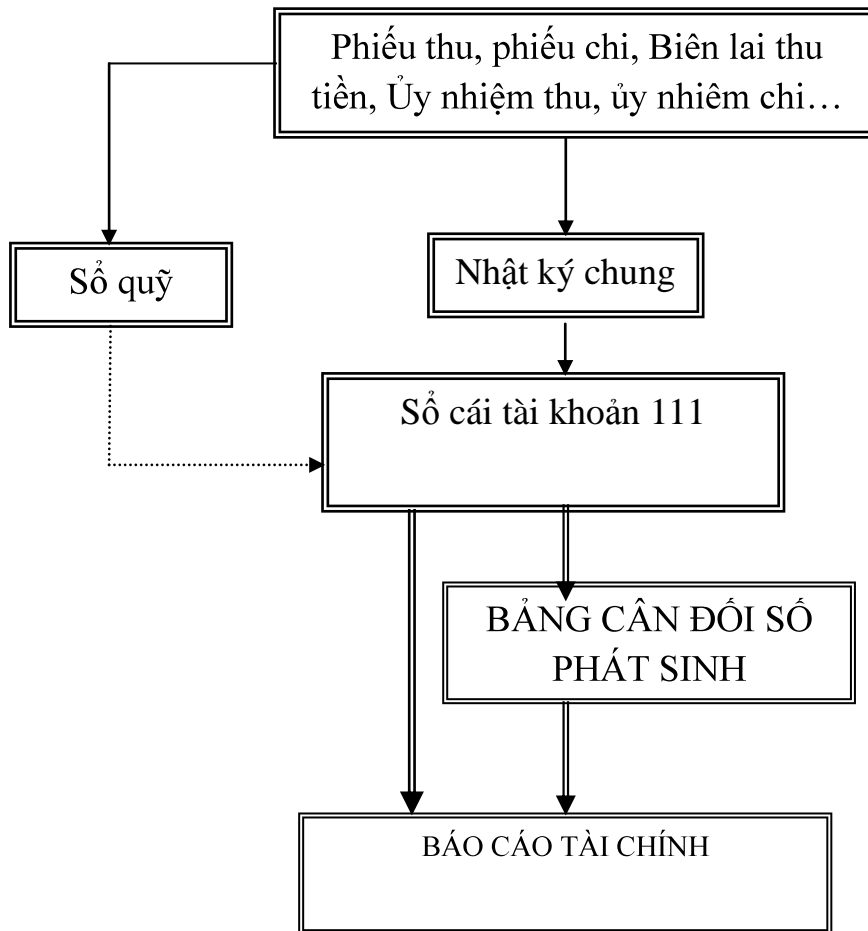
- Phiếu thu (Mẫu số 01 - TT)
- Phiếu chi (Mẫu số 02 - TT)
- Hoá đơn GTGT (Mẫu số 01GTKT3/001)
- Giấy nộp tiền
- Giấy đề nghị tạm ứng (Mẫu số 03 - TT)
- Giấy thanh toán tiền tạm ứng (Mẫu số 04 - TT)
- Biên lai thu tiền (Mẫu số 06 - TT)

**\* Sổ sách sử dụng:**

- Sổ quỹ tiền mặt (Mẫu số S07 - DN)
- Sổ nhật ký chung (Mẫu số S03a - DN)
- Sổ cái TK 111 (Mẫu số S03b - DN)

**2.2.1.2. Trình tự ghi sổ kế toán tiền mặt tại công ty CP VILACO**

**Sơ đồ 2.5. Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán tiền mặt tại công ty cổ phần VILACO**



Ghi chú:

Nhập số liệu hàng ngày →

Ghi cuối tháng ==>

Đối chiếu, kiểm tra <-.->

Khi có nghiệp vụ thu, chi tiền mặt xảy ra, kế toán sẽ căn cứ vào hoá đơn bán hàng, mua hàng, hoá đơn GTGT để lập phiếu thu, phiếu chi. Sau đó phiếu thu hoặc phiếu chi sẽ được chuyển cho kế toán trưởng và giám đốc ký duyệt, chuyển cho thủ quỹ thực hiện các nghiệp vụ thanh toán, đồng thời ghi sổ quỹ. Căn cứ vào phiếu thu, phiếu chi, kế toán tổng hợp sẽ vào sổ nhật ký chung, sổ cái tiền mặt.

Cuối mỗi quý, căn cứ vào sổ cái đã lập kế toán vào bảng cân đối số phát sinh và báo cáo kế toán cho quý đó.

### **2.2.1.3. Một số nghiệp vụ liên quan đến tiền mặt tại công ty**

#### **a) Kế toán thu tiền mặt VNĐ tại công ty:**

Các nguồn thu chủ yếu của công ty bao gồm:

- Thu từ việc bán sản phẩm, hàng hoá
- Thu tạm ứng
- Thu lãi từ tiền gửi ngân hàng
- Các khoản thu nhập khác

Khi phát sinh các nghiệp vụ thu tiền, căn cứ vào các hoá đơn bán hàng, các chứng từ gốc có liên quan về thu tiền mặt, kế toán tiền mặt lập phiếu thu. Phiếu thu do kế toán lập thành 3 liên, ghi đầy đủ các nội dung trên phiếu và ký vào phiếu thu, sau đó chuyển cho kế toán trưởng và giám đốc ký duyệt, chuyển cho thủ quỹ để làm thủ tục nhập quỹ. Sau khi đã nhận đủ số tiền, thủ quỹ ghi số tiền thực tế nhập quỹ vào phiếu thu trước khi ký và ghi rõ họ tên. Thủ quỹ giữ lại 1 liên để ghi sổ quỹ, 1 liên giao cho người nộp tiền, 1 liên lưu nơi lập phiếu. Cuối ngày toàn bộ phiếu thu kèm theo chứng từ gốc chuyển cho kế toán để ghi sổ kế toán.

Trong tháng 12 năm 2012 công ty cổ phần VILACO có nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến các khoản thu. Sau đây là một số nghiệp vụ chủ yếu:

Ví dụ 1 : Ngày 05/12/2012 bán 100 túi BG VDRB h.chanh 2.4kgx8\_B cho công ty TNHH Bình Minh với giá bán là 36,000đồng/ 1 túi ( chưa có TGTGT 10%) , công ty Bình Minh đã thanh toán bằng tiền mặt.

Kế toán căn cứ vào Hóa đơn GTGT bán hàng (Biểu số 2.1) dưới đây để lập Phiếu thu ( Biểu số 2.2)

**Biểu 2.1.Hoá đơn GTGT số 0000512**

**HOÁ ĐƠN**  
**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số:01 GTKT – 3LL

AA/ 12P

0000512

Liên 3: Nội bộ

Ngày 05 tháng 12 năm 2012

Đơn vị bán hàng: Công ty CP VILACO

Địa chỉ: Số 75b- đường 208- An Đồng – An Dương- HP

Điện thoại: 031.3826604

MST:0200152093

Họ tên người mua hàng: Nguyễn Văn Hùng

Đơn vị: Công ty TNHH Bình Minh

Địa chỉ: Lập Lễ-Thủy Nguyên – HP

Điện thoại:

MST: 0200575848

Hình thức thanh toán: TM

STT	Tên hàng hoá dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3= 1 * 2
1	BG VDRB h.chanh 2.4kgx8_B	túi	100	36,000	3,600,000
Cộng tiền hàng:					3,600,000
Thuế suất thuế GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		360,000
Tổng cộng tiền hàng:					3,960,000
Số tiền bằng chữ: Ba triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng.					

Người mua hàng  
( Ký, họ tên)

Người bán hàng  
( Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị  
( Ký, họ tên)

Từ đơn bán hàng trên, kế toán sẽ lập 3 liên phiếu thu, 1 liên lưu hai liên còn lại giao cho thủ quỹ, sau khi thủ quỹ thu tiền xong rồi giao một liên cho người nộp tiền, 1 liên để ghi sổ kế toán.



**Biểu 2.2. Phiếu thu số 40**

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN VILACO

Địa chỉ: số 75B –đường 208 – AN Đồng – An Dương

Mẫu số :01-TT

Theo QĐ số: 15/2006/QĐ/BTC

Ngày 20/03/2006

Của Bộ trưởng BTC

**PHIẾU THU**

Ngày 05 tháng 12 năm 2012

Quyển số:.....

Số: 40

Nợ : 111

Có : 511,3331

Họ tên người nộp tiền : Nguyễn Văn Hùng

Địa chỉ: Công ty TNHH Bình Minh

Lý do nộp : Thu tiền bán hàng theo hóa đơn số 0000512

Số tiền: 3,960,000 (viết bằng chữ) : Ba triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng .

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Giám đốc  
(Ký,họ tên)Kế toán trưởng  
(Ký,họ tên)Thủ quỹ  
(Ký,họ tên)Người nộp tiền  
(Ký,họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Ba triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng .

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý): .....

+ Số tiền quy đổi:.....

Ví Dụ 2

Ngày 27/12/2010 thu tiền tạm ứng chi không hết từ chị Đoàn Thị Phương nhập quỹ. Trước khi thanh toán số tiền tạm ứng chi không hết chị Đoàn Thị Phương viết giấy thanh toán tiền tạm ứng. Trình bày số tiền đã nhận và chi (kèm theo các chứng từ có liên quan) để chứng minh số tiền đã chi và xác định số tiền hoàn ứng còn lại.

**GIẤY THANH TOÁN TIỀN TẠM ỨNG**

Ngày 27 tháng 12 năm 2010

- Họ và tên người thanh toán: Đoàn Thị Phương
- Bộ phận: Phòng kinh doanh
- Số tiền tạm ứng được thanh toán theo bảng dưới đây:

Diễn giải	Số tiền
<b>I. Số tiền tạm ứng</b>	17.000.000
1. Số tạm ứng kỳ trước chi không hết	
2. Số tạm ứng kỳ này	17.000.000
- Phiếu chi số :100 ngày 26 tháng 12 năm 2010	17.000.000
<b>II. Số tiền đã chi:</b>	13.200.000
1. Chứng từ HĐGTGT số 0035479 ngày 26/12/2010	13.200.000
<b>III. Chênh lệch</b>	3.800.000
1. Số tạm ứng chi không hết ( I - II)	3.800.000
2. Chi quá số tạm ứng ( II - I)	

Giám đốc      Kế toán trưởng      Kế toán thanh toán      Người đề nghị thanh toán  
 (Ký, họ tên)      (Ký, họ tên)      (Ký, họ tên)      (Ký, họ tên)

**Biểu 2.3. Giấy thanh toán tiền tạm ứng số 3**

**Biểu 2.4.Hóa đơn GTGT số 0000975**

**HOÁ ĐƠN**  
**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**  
Liên 2: Giao khách hàng  
Ngày 26 tháng 12 năm 2012

Mẫu số:01 GTKT – 3LL  
AA/ 12P  
0000975

Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần Samnec  
Địa chỉ: số 4 Hồ Sen Hải Phòng  
Điện thoại:  
MST:02001340943

Họ tên đơn vị người mua hàng: Đoàn Thị Phương  
Đơn vị: Công ty cổ phần VILACO  
Địa chỉ: Số 75b- đường 208- An Đồng – An Dương- HP  
Hình thức thanh toán: TM

STT	Tên hàng hoá dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	$3 = 1 * 2$
1	Máy tính	Chiếc	2	6.000.000	12.000.000
Cộng tiền hàng:					12.000.000
Thuế suất thuế GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		1.200.000
Tổng cộng tiền hàng:					13.200.000
Số tiền bằng chữ: Mười ba triệu hai trăm nghìn đồng.					

Người mua hàng  
( Ký, họ tên)

Người bán hàng  
( Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị  
(Ký, họ tên)

**Biểu 2.5. Phiếu thu số 90**

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN VILACO

Địa chỉ: số 75B –đường 208 – AN Đồng – An Dương

Mẫu số :01-TT

Theo QĐ số: 15/2006/QĐ/BTC

Ngày 20/03/2006

Của Bộ trưởng BTC

**PHIẾU THU**

Ngày 27 tháng 12 năm 2012

Quyển số:.....

Số: 90

Nợ : 111

Có :141

Họ tên người nộp tiền : Đoàn Thị Phương

Địa chỉ: Phòng kinh doanh

Lý do nộp : Nộp tiền tạm ứng chi không hết.

Số tiền: 3.800.000 (viết bằng chữ) : Ba triệu tám trăm nghìn đồng .

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Giám đốc

(Ký,họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký,họ tên)

Thủ quỹ

(Ký,họ tên)

Người nộp tiền

(Ký,họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Ba triệu tám trăm nghìn đồng .

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý): .....

+ Số tiền quy đổi: .....

Ví Dụ 3

Ngày 27/12/2011 anh Quý của phòng kế toán rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt, số tiền 50.000.000 đồng.

**Biểu 2.6. Phiếu thu số 91**

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN VILACO

Mẫu số :01-TT

Địa chỉ: số 75B –đường 208 – AN Đồng – An Dương

Theo QĐ số: 15/2006/QĐ/BTC

Ngày 20/03/2006

Của Bộ trưởng BTC

**PHIẾU THU**

Quyển số:.....

Ngày 27 tháng 12 năm 2012

Số: 91

Nợ : 111

Có :112

Họ tên người nộp tiền : Lưu Ngọc Quý

Địa chỉ: Phòng kế toán

Lý do nộp : Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt.

Số tiền: 50.000.000 (viết bằng chữ) : Năm mươi triệu đồng chẵn.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Giám đốc

Kế toán trưởng

Thủ quỹ

Người nộp tiền

(Ký,họ tên)

(Ký,họ tên)

(Ký,họ tên)

(Ký,họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Năm mươi triệu đồng chẵn.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý): .....

+ Số tiền quy đổi: .....

**b) Kế toán chi tiền mặt VNĐ tại công ty:**

Các nguồn chi chủ yếu của công ty bao gồm:

- Chi tạm ứng
- Chi mua vật tư, tài sản, hàng hoá, công cụ dụng cụ, nhiên liệu
- Chi thanh toán lương, thưởng cho cán bộ công nhân viên
- Chi trả nợ cho người bán và ngân hàng
- Chi các khoản nộp Ngân sách nhà nước
- Các khoản phải chi khác

Khi phát sinh nghiệp vụ chi tiền, căn cứ vào các hoá đơn mua hàng, các chứng từ gốc có liên quan về chi tiền mặt, kế toán tiền mặt lập phiếu chi. Phiếu chi do kế toán lập thành 3 liên ( liên 1 lưu ở nơi lập phiếu, liên 2 thủ quỹ dùng để ghi sổ quỹ và chuyển cho kế toán cùng với chứng từ gốc để vào sổ kế toán, liên 3 giao cho người nhận tiền). Sau khi kế toán trưởng, giám đốc ký duyệt phiếu chi, thủ quỹ mới được xuất quỹ. Sau khi nhận đủ số tiền người nhận tiền phải ghi số tiền đã nhận bằng chữ, ký tên và ghi rõ họ, tên vào phiếu chi. Căn cứ vào số tiền thực chi, thủ quỹ ghi vào sổ quỹ tiền mặt, đến cuối ngày thì chuyển cho kế toán tiền mặt để ghi sổ.

Sau đây là một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến các khoản chi trong tháng 12 năm 2012 tại công ty cổ phần VILACO:

**Ví Dụ 1**

Ngày 07/12/2011 Anh Trần Hải Minh xin tạm ứng tiền công tác phí số tiền 2.000.000 đồng. Khi đó anh Minh sẽ viết giấy đề nghị tạm ứng giải trình lên giám đốc để giám đốc ký duyệt. Sau khi được giám đốc ký duyệt xong, anh Minh sẽ cầm giấy đề nghị tạm ứng này giao cho kế toán, kế toán căn cứ vào đó viết phiếu chi, anh Minh mang phiếu chi và giấy đề nghị tạm ứng đi ký duyệt của giám đốc, kế toán trưởng. Khi có sự ký duyệt của giám đốc và kế toán trưởng trên phiếu chi, thủ quỹ sẽ xuất quỹ chi cho anh Minh.

**Biểu 2.7. Giấy đề nghị tạm ứng**  
**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG**

Kính gửi : Phòng tài chính kế toán

Tên tôi là : Trần Hải Minh

Địa chỉ : Phòng kinh doanh

Đề nghị tạm ứng số tiền: 2.000.000 (bằng chữ): hai triệu đồng chẵn./.

Lý do tạm ứng: đi công tác.

Ngày 06 tháng 12 năm 2011

Ng ười lập  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.8. Phiếu chi số 38**

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN VILACO

Địa chỉ: số 75B – đường 208 – AN Đồng – An Dương

Mẫu số: 02 - TT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU CHI**

Quyển số:.....

Ngày 07 tháng 12 năm 2012

Số: 38

Nợ TK 141:

Có TK 111:

Họ tên người nhận tiền: Trần Hải Minh.

Địa chỉ: Phòng kinh doanh.

Lý do chi: tạm ứng tiền công tác.

Số tiền: 2.000.000 VND (Viết bằng chữ) Hai triệu đồng chẵn./.

Kèm theo: .....01.....chứng từ gốc.

Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người nhận tiền (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)
------------------------------------	--------------------------------	---------------------------------	---------------------------------	-------------------------

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Hai triệu đồng chẵn./.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý): .....

+ Số tiền quy đổi: .....

Ví Du 2

Ngày 19/12/2011 công ty chi cho chị Trương Thanh Mai để thanh toán tiền mua bàn ghế văn phòng, số tiền 6.600.000 đồng. Căn cứ vào hoá đơn GTGT số 0007365, chị Trương Thanh Mai gửi giấy đề nghị thanh toán lên phòng kế toán. Kế toán sau khi xem xét các chứng từ liên quan, trình lên giám đốc và kế toán trưởng duyệt chi, sau đó kế toán lập phiếu chi.



**Biểu 2.9.Hoá đơn GTGT số 0007365**

**HOÁ ĐƠN**  
**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**  
 Liên 2: Giao khách hàng  
 Ngày 19 tháng 12 năm 2012

Mẫu số:01 GTKT – 3LL  
 AA/ 12P  
**0007365**

Đơn vị bán hàng: Công Ty TNHH MTV TM & DV Thăng Thảo

Mã số thuế: 0200731945

Địa chỉ: Số 1145 Trần Nhân Tông, Quận Kiến An, Hải Phòng

Điện thoại: 0313.467.467

Họ tên đơn vị người mua hàng: Trương Thanh Mai

Đơn vị: Công ty cổ phần VILACO

Địa chỉ: Số 75b- đường 208- An Đông – An Dương- HP

Hình thức thanh toán: TM

STT	Tên hàng hoá dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3= 1 * 2
1	Bàn ghế văn phòng	bộ	2	3.000.000	6.000.000
Cộng tiền hàng:					6.000.000
Thuế suất thuế GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		600.000
Tổng cộng tiền hàng:					6.600.000
Số tiền bằng chữ: Sáu triệu sáu trăm nghìn đồng.					

Người mua hàng  
( Ký, họ tên)

Người bán hàng  
( Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị  
(Ký, họ tên)

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN VILACO

Mẫu số: 05 – TT

Địa chỉ: số 75B –đường 208 – AN Đồng – An Dương

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

## GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Ngày 19 tháng 12 năm 2011

Kính gửi: Giám đốc công ty cổ phần Hưng Phát Việt Nam

Họ và tên người đề nghị thanh toán: Trương Thanh Mai

Bộ phận (hoặc địa chỉ): Phòng vật tư

Nội dung thanh toán: mua bàn ghế văn phòng.

Số tiền: 6.600.000. (Viết bằng chữ): Sáu triệu sáu trăm nghìn đồng.

(Kèm theo: .....01.... chứng từ gốc)

Người đề nghị thanh toán  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên)

### **Biểu 2.10. Giấy đề nghị thanh toán**

**Biểu 2.11. Phiếu chi số 61**

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN VILACO

Địa chỉ: số 75B –đường 208 – AN ĐỒNG – An Dương

Mẫu số: 02 - TT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU CHI**

Quyển số:.....

Ngày 19 tháng 12 năm 2012

Số: 61

Nợ TK: 142,133

Có TK :111

Họ tên người nhận tiền: Trương Thanh Mai.

Địa chỉ: Phòng vật tư.

Lý do chi: Thanh toán tiền mua bàn ghế văn phòng.

Số tiền: 6.600.000 (Viết bằng chữ) Sáu triệu sáu trăm nghìn đồng.

Kèm theo: .....01.....chứng từ gốc.

Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người nhận tiền (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)
------------------------------------	--------------------------------	---------------------------------	---------------------------------	-------------------------

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Sáu triệu sáu trăm nghìn đồng.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý): .....

+ Số tiền quy đổi: .....

**Ví Dụ 3**

Ngày 20/12/2009, Công ty nộp tiền cước phí dịch vụ viễn thông tháng 11, có HĐGTGT (liên 2) số 0073018, căn cứ vào hoá đơn kế toán viết phiếu chi.

**Biểu 2.12 : Hoá đơn GTGT số 0073018****HOÁ ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)**

TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)

Liên 2: Giao khách hàng (Customer)

Mẫu số: 01GTKT-2LN-03 VT01

Ký hiệu (Serial No): AB/2012T

Số (No):

0073018

Mã số: 0200287977-022

TT Dịch Vụ Khách Hàng - VNPT - Số 4 Lạch Tray

Tên khách hàng (Customer's name): Công ty Cổ phần VILACO

MS: 0200138887

Địa chỉ (Address): số 75B –đường 208 – AN Đồng – An Dương

Số điện thoại (Tel): 0313.822744

Hình thức thanh toán (Kind of Payment): TM

DỊCH VỤ SỬ DỤNG (KIND OF SERVICE)	THÀNH TIỀN (AMOUNT) VNĐ
KỶ HOÁ ĐƠN THÁNG 11 NĂM 2012 Doanh thu VNPT Doanh thu VNPT không chịu thuế Khuyến mại + chiết khấu Doanh nghiệp khác	1.276.856
<i>Cộng tiền dịch vụ(Total) (1):</i>	1.276.856
<i>Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%<math>\times</math>(1) = Tiền thuế GTGT(VAT amount)(2)</i>	127.686
<i>Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total) (1+2):</i>	1.404.542
Số tiền viết bằng chữ (in word): Một triệu, bốn trăm linh bốn nghìn, năm trăm bốn hai đồng chẵn.	
Ngày 20 tháng 12 năm 2009	
Người nộp tiền ký (Signature of payer)	Nhân viên giao dịch ký (Signature of dealing staff)

**Biểu 2.13. Phiếu chi số 62**

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN VILACO

Địa chỉ: số 75B –đường 208 – AN Đông – An Dương

Mẫu số: 02 - TT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU CHI**

Quyển số:.....

Ngày 20 tháng 12 năm 2012

Số: 62

Nợ TK: 642,133

Có TK :111

Họ và tên người nhận tiền: Phạm Văn Hiệp

Địa chỉ: TT dịch vụ khách hàng số 4 Lạch Tray

Lý do chi: T/toán tiền cước viễn thông T11

Số tiền: 1.404.542 (Viết bằng chữ) Một triệu, bốn trăm linh bốn nghìn, năm trăm bốn hai đồng chẵn.

Kèm theo: .....01.....chứng từ gốc.

Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người nhận tiền (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)
------------------------------------	--------------------------------	---------------------------------	---------------------------------	-------------------------

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Một triệu, bốn trăm linh bốn nghìn, năm trăm bốn hai đồng chẵn.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý): .....

+ Số tiền quy đổi: .....

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN VILACO

Địa chỉ: số 75B –đường 208 – AN Đồng – An Dương

Mẫu số: S03a-DN

(Ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**NHẬT KÝ CHUNG**

Trích tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có
.....	...	...	...		...	...	...
5/12	PT40	5/12	Thu tiền bán hàng theo	x	111	3.960.000	
	HĐ0000512		hóa đơn số 0000512	x	511		3.600.000
				x	3331		360.000
.....	...	...	...		...	...	...
7/12	PC38	7/12	Trần Hải Minh tạm	x	141	2.000.000	
			ứng tiền đi công tác	x	111		2.000.000
.....	...	...	...		...	...	...
19/12	PC61	19/12	Thanh toán tiền mua	x	142	6.000.000	
	HĐ0007365		bàn ghế văn phòng.	x	133	600.000	
				x	111		6.600.000
20/12	PC62	20/12	T/toán tiền cược viên	x	642	1.276.856	
	HĐ0073018		thông T11	x	133	127.686	
				x	111		1.404.542
.....	...	...	...		...	...	...
27/12	PT90	27/12	Tạm ứng không hết	x	111	3.800.000	
			nhập quỹ	x	141		3.800.000
27/12	PT91	27/12	Rút tiền gửi NH về	x	111	50.000.000	50.000.000
			nhập quỹ	x	112		
.....	...	...	...		...	...	...
			Cộng số phát sinh			<b>32,740,187,637</b>	<b>32,740,187,637</b>

**Biểu 2.14.Nhật Ký chung tháng 12 năm 2012**

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN VILACO

Mẫu số: S03a-DN

Địa chỉ: số 75B –đường 208 – AN Đồng – An Dương

(Ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**SỔ QUỸ TIỀN MẶT**

Trích tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

NT GS	NT CT	Số hiệu CT		Diễn giải	Số tiền		
		Thu	Chi		Thu	Chi	Tồn
				<b>Dư đầu tháng</b>			<b>310.703.524</b>
...	...	...	...	...	...	...	...
<b>5/12</b>	<b>5/12</b>	<b>PT40</b>		<b>Thu tiền bán hàng theo hóa đơn số 0000512</b>	<b>3.960.000</b>		<b>360.410.020</b>
5/12	5/12		PC35	Nộp tiền vào tài khoản ngân hàng		80.000.000	364.370 020
...	...	...	...	...	...	...	...
<b>7/12</b>	<b>7/12</b>		<b>PC38</b>	<b>Trần Hải Minh tạm ứng tiền đi công tác</b>		<b>2.000.000</b>	<b>421.065.180</b>
7/12	7/12		PC39	TT tiền phí chứng thực bản sao		270.000	<b>420.795.180</b>
...	...	...	...	...	...	...	...
<b>19/12</b>	<b>19/12</b>		<b>PC61</b>	<b>Thanh toán tiền mua bàn ghế văn phòng.</b>		<b>6.600.000</b>	<b>213.618.000</b>
<b>20/12</b>	<b>20/12</b>		<b>PC62</b>	<b>T/toán tiền cược viễn thông T11</b>		<b>1.404.542</b>	<b>207.018.000</b>
...	...	...	...	...	...	...	...
<b>27/12</b>	<b>27/12</b>	<b>PT90</b>		<b>Tạm ứng không hết nhập quỹ</b>	<b>3.800.000</b>		<b>162.089.650</b>
<b>27/12</b>	<b>27/12</b>	<b>PT91</b>		<b>Rút tiền gửi NH về nhập quỹ</b>	<b>50.000.000</b>		<b>212.089.650</b>
27/12	27/12	PT92		Thu tiền hàng theo HĐ 00694	19.800.000		230.089.650
...	...	...	...	...	...	...	...
				<b>Cộng phát sinh</b>	<b>470.820.000</b>	<b>645.903.524</b>	
				<b>Dư cuối kì</b>			<b>135.620.000</b>

**Biểu 2.15.Sổ quỹ tiền mặt tháng 12 năm 2012**

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN VILACO

Địa chỉ: số 75B – đường 208 – AN Đồng – An Dương

Mẫu số: S03a-DN

(Ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Trích Tháng 12 năm 2012

Tên tài khoản: Tiền mặt

Số hiệu: 111

Đơn vị tính: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu tháng		<b>310.703.524</b>	
5/12	PT39	5/12	Công ty Thành Đạt trả nợ	131	16.000.000	
<b>5/12</b>	<b>PT40</b>	<b>5/12</b>	<b>Thu tiền bán hàng theo hóa đơn số 0000512</b>	<b>511</b>	<b>3.600.000</b>	
				<b>3331</b>	<b>360.000</b>	
5/12	PC35		Nộp tiền vào tài khoản ngân hàng	112	.	80.000.000
...	...	...	...	...	....	...
<b>7/12</b>	<b>PC38</b>	<b>7/12</b>	<b>Trần Hải Minh tạm ứng tiền đi công tác</b>	<b>141</b>		<b>2.000.000</b>
7/12	PC39	7/12	TT tiền phí chứng thực bản sao	642		270.000
...	...	...	...	...	....	...
<b>19/12</b>	<b>PC61</b>	<b>19/12</b>	<b>Thanh toán tiền mua bàn ghế văn phòng.</b>	<b>142</b>		<b>6.000.000</b>
				<b>133</b>		<b>600.000</b>
<b>20/12</b>	<b>PC62</b>	<b>20/12</b>	<b>T/toán tiền cước viễn thông T11</b>	<b>642</b>		<b>1.276.856</b>
				<b>133</b>		<b>127.686</b>
...	...	...	...	...	....	...
<b>27/12</b>	<b>PT90</b>	<b>27/12</b>	<b>Tạm ứng không hết nhập quỹ</b>	<b>141</b>	<b>3.800.000</b>	
<b>27/12</b>	<b>PT91</b>	<b>27/12</b>	<b>Rút tiền gửi NH về nhập quỹ</b>	<b>112</b>	<b>50.000.000</b>	
27/12	PT92	27/12	Thu tiền hàng theo HĐ 00694	511	18.000.000	
				3331	1.800.000	
...	...	...	...	...	....	...
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>470.820.000</b>	<b>645.903.524</b>
			<b>Dư cuối kỳ</b>		<b>135.620.000</b>	

**Biểu 2.16.Sổ cái tiền mặt tháng 12 năm 2012**



### **2.2.2.Kế toán tiền gửi ngân hàng tại công ty cổ phần VILACO**

Cùng với hoạt động tiền mặt, hoạt động tiền gửi ngân hàng cũng đóng vai trò quan trọng và diễn ra thường xuyên tại công ty, đa dạng hoá về hình thức thanh toán, thuận lợi trong việc luân chuyển tiền tệ.

Công ty để lại ở quỹ tiền mặt nhu cầu chi tiêu cần thiết thường xuyên hàng ngày, còn lại gửi tại ngân hàng để tiện cho việc thanh toán không dùng tiền mặt. Khi cần chi tiêu doanh nghiệp phải làm thủ tục rút tiền hoặc chuyển tiền.

Hiện nay công ty cổ phần VILACO đang thực hiện giao dịch với 2 Ngân hàng:

- Ngân hàng Công Thương Việt Nam chi nhánh Hải Phòng.
- Ngân hàng Techcom Bank

Căn cứ để ghi chép các nghiệp vụ liên quan đến tiền gửi của công ty là giấy báo Có, giấy báo Nợ, các bảng sao kê của ngân hàng kèm theo các chứng từ gốc khác như uỷ nhiệm chi. Khi nhận được các chứng từ do ngân hàng gửi đến, kế toán tiến hành kiểm tra đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Nếu có số chênh lệch thì phải báo cáo với ngân hàng để hai bên có biện pháp xử lý. Sau đó kế toán vào các sổ sách liên quan tương tự đối với nghiệp vụ tiền mặt.

#### **2.2.2.1.Tài khoản, chứng từ, sổ sách sử dụng**

Để hạch toán tiền gửi Ngân hàng, kế toán sử dụng TK 112 “Tiền gửi Ngân hàng” (chi tiết TK 1121 - Tiền gửi Việt Nam). Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình hiện có, tình hình biến động tất cả các loại tiền của đơn vị gửi tại Ngân hàng. Công ty không phát sinh hoạt động về tiền gửi ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý.

\* *Chứng từ sử dụng:*

- Giấy nộp tiền
- Giấy báo nợ
- Giấy báo có

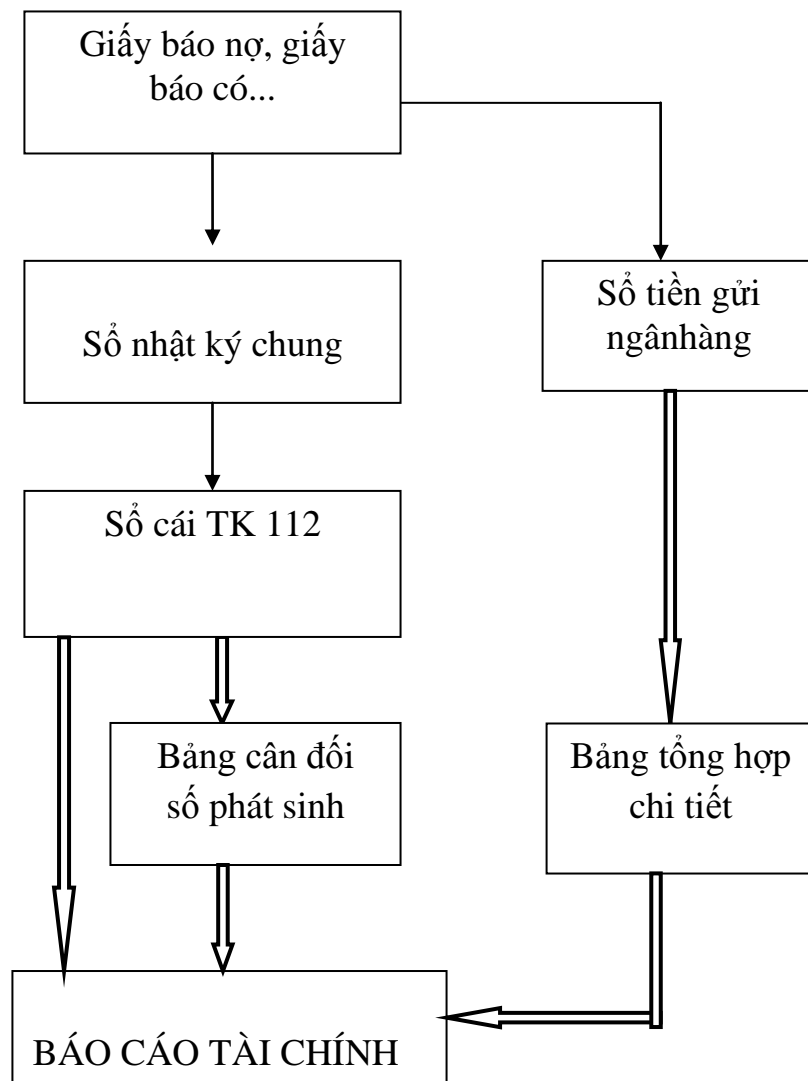
- Ủy nhiệm chi
- Lệnh chuyển tiền
- Phiếu tính tiền lãi vay

\* *Sổ sách sử dụng:*

- Sổ nhật ký chung (Mẫu số S03a - DN)
- Sổ cái TK 112 (Mẫu số S03b - DN)

**2.2.2.2.Trình tự ghi sổ kế toán tiền gửi ngân hàng tại công ty cổ VILACO**

**Sơ đồ 2.6.Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán tiền gửi ngân hàng**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày  →

Ghi cuối tháng  →

Đối chiếu, kiểm tra  ←

Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc như giấy báo nợ, giấy báo có, sổ phụ tài khoản... kế toán tiến hành ghi vào sổ tiền gửi ngân hàng và sổ nhật ký chung. Từ nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK112, lập bảng cân đối số phát sinh và trên cơ sở đó lập báo cáo tài chính.

### **2.2.2.3. Một số nghiệp vụ liên quan đến tiền gửi ngân hàng tại công ty cổ phần VILACO**

Một số nghiệp vụ phát sinh trong tháng 12 năm 2011 liên quan đến tiền ngân hàng:

**Ví dụ**: Ngày 15/12/2010 Công ty TNHH Bình Minh thanh toán tiền hàng theo hóa đơn số 000836 bằng chuyển khoản số tiền 330.000.000 đồng.

- Trình tự hạch toán như sau:

- + Căn cứ vào Hóa đơn GTGT (Liên 1) ( Biểu số 2.17)
- + Công ty gửi UNT tới ngân hàng ( Biểu số 2.18)
- + NH sau khi thu được tiền sẽ gửi Giấy báo có về công ty ( Biểu số 2.19)
- + Từ giấy báo có kế toán lập Sổ Nhật ký chung
- + Sau đó ghi vào sổ Tiền gửi ngân hàng
- + Từ Nhật ký chung kế toán vào Sổ cái TK 112
- + Từ Sổ cái kế toán vào Bảng cân đối số phát sinh. Cuối năm tổng hợp số liệu từ sổ cái, sổ chi tiết, bảng cân đối phát sinh để lập Báo cáo tài chính.

**Biểu 2.17.Hoá đơn GTGT số 0000836**

HOÁ ĐƠN  
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số:01 GTKT – 3LL

AA/ 12P

Liên 3: Lưu nội bộ

0000836

Ngày 15 tháng 12 năm 2012

Đơn vị bán hàng: Công Ty Cổ Phần VILACO

Mã số thuế: 0200152093

Địa chỉ: số 75B –đường 208 – AN Đồng – An Dương

Điện thoại: 0313.467.467

Họ tên đơn vị người mua hàng:

Đơn vị: Công ty TNHH Bình Minh

Địa chỉ: Số 345 Sở Dầu,Hồng Bàng,Hải Phòng

Hình thức thanh toán: CK

STT	Tên hàng hoá dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3= 1 * 2
1	BG VDRB h.chanh 2.4kgx8_B	Túi	10.000	30.000	300.000.000
Cộng tiền hàng:					300.000.000
Thuế suất thuế GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		30.000.000
Tổng cộng tiền hàng:					330.000.000
Số tiền bằng chữ: Sáu triệu sáu trăm nghìn đồng.					

Người mua hàng  
( Ký, họ tên)

Người bán hàng  
( Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.18 Ủy Nhiệm Thu**

<b>ỦY NHIỆM THU SỐ:097</b> Chuyển khoản, chuyển tiền điện tử Lập ngày 15/12/2010		Phần do ngân hàng ghi
Tên đơn vị nhận tiền: Công ty Cổ Phần VILACO Số TK: 00265200826 Tại ngân hàng: Công th- ơng quận Hồng Bàng, Hải Phòng		Tài khoản Nợ:
Tên đơn vị trả tiền: Công ty TNHH Bình Minh Số TK: 932010000061 Tại ngân hàng : Công th- ơng quận Hồng Bàng, Hải Phòng		Tài khoản Có:
Số tiền bằng chữ: <i>Ba trăm ba mươi triệu đồng chẵn.</i> Nội dung thanh toán: <i>Thanh toán tiền mua BG VDRB h.chanh 2.4kgx8_B</i>		số tiền bằng số 330.000.000
Đơn vị trả tiền Kế toán            Chủ TK	Ngân hàng..... Ghi sổ ngày:...../...../..... Kế toán            KTtr- ởng	Ngân hàng .... Ghi sổ ngày:...../...../..... Kế toán            KT tr- ởng

**Biểu số 2.19: Giấy Báo Có**

Ngân hàng Công th- ơng - Chi nhánh Hồng Bàng	Mã GDV: Mã KH: CB123 Số: 097
<b>Giấy Báo Có</b>	
Ngày 15 tháng 12 năm 2010	
Kính gửi: Công ty CPTM Ngọc Dung	
Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi có tài khoản của quý khách với nội dung sau:	
Số tài khoản ghi Nợ : 00265200826	
Số tiền bằng số: 330.000.000	
Số tiền bằng chữ: <i>Ba trăm ba mươi triệu đồng chẵn.</i>	
Nội dung : Công ty TNHH Bình Minh thanh toán tiền hàng	
Giao dịch viên	Kiểm soát

**Ví dụ 2 :**

Ngày 16 tháng 12 năm 2012 xuất quỹ tiền mặt gửi vào Ngân hàng Công thương Việt Nam

Kế toán nhận được lệnh xuất quỹ gửi vào Ngân hàng tiến hành viết phiếu chi:

**Biểu 2.20. Phiếu chi số 35**

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN VILACO  
Địa chỉ: số 75B –đường 208 – AN Đồng – An Dương

Mẫu số: 02 - TT  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU CHI**

Quyển số:.....

Ngày 05 tháng 12 năm 2012

Số: 35

Nợ TK 112:

Có TK 111:

Họ tên người nhận tiền: Trần Hải Minh.

Địa chỉ: Phòng kế toán.

Lý do chi: Nộp tiền mặt vào Ngân hàng

Số tiền: 80.000.000 VND (Viết bằng chữ) Tám mươi triệu đồng chẵn.

Kèm theo: .....01.....chứng từ gốc.

Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người nhận tiền (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)
------------------------------------	--------------------------------	---------------------------------	---------------------------------	-------------------------

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Tám mươi triệu đồng chẵn.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý): .....

+ Số tiền quy đổi: .....

Sau khi có đầy đủ chữ ký của người có liên quan, người nộp tiền (đại diện cho Công ty Cổ phần VILACO) sẽ nhận từ thủ quỹ và đem đến Ngân hàng Công thương Việt Nam Chi nhánh Hải Phòng. Tại Ngân hàng phát hành giấy nộp tiền ghi nhận số tiền Công ty Cổ VILACO đã nộp. Sau khi hoàn thành thủ tục gửi tiền vào Ngân hàng, người nộp tiền của công ty sẽ đem giấy nộp tiền và phiếu chi đưa cho kế toán tiền gửi để ghi sổ sách.

**Biểu 2.21. Giấy nộp tiền**

Ngân hàng Công thương Việt Nam	Liên 2/ Copy 2	
VIETINBANK	Số/ No 02 Giao người nộp Depositor s copy	
<b>GIẤY NỘP TIỀN</b>		
Cash Deposit Slip		
Ngày/Date: 05/12/2012		
Tài khoản có/ Credit A/C No: 102010000801599		
Tên tài khoản/ Account name: Công ty Cổ phần VILACO		
Số tiền bằng chữ/ Inword: Tám mươi triệu đồng chẵn.		
Người nộp tiền/ Deposited by: Trần Hải Minh.	Số tiền bằng số (Amount in figures) 80.000.000đ	
Địa chỉ/ Address: Phòng kế toán		
Tại ngân hàng/ with bank: Công thương Hải Phòng.		
Nội dung nộp/ Remarks: Nộp tiền vào tài khoản		
Người nộp tiền Depositor s signature	Giao dịch viên Teller	Kiểm soát viên Supervisor

**Ví Dụ 3.**

Ngày 16 tháng 12 năm 2012, chi trả tiền cước vận chuyển hàng bằng tiền gửi Ngân hàng

Khi phát sinh nghiệp vụ thanh toán qua Ngân hàng, căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0052785, kế toán công ty gửi ủy nhiệm chi đến Ngân hàng Công thương Hải Phòng

Ngân hàng nhận được ủy nhiệm chi tiến hành thanh toán đồng thời gửi bản Sao kê tài khoản chi tiết.



**Biểu 2.22. Hoá đơn GTGT số 0052785****HOÁ ĐƠN  
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**Mẫu số: 01 GTKT – 3LL  
AA/ 12P  
0052785Liên 2: Giao Khách hàng  
Ngày 16 tháng 12 năm 2012

Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ S.T.C

Mã số thuế: 0200151432

Địa chỉ: 27C Điện Biên Phủ-P.Minh Khai-Hồng Bàng-Hải Phòng

Điện thoại: 0313.467.467

Họ tên đơn vị người mua hàng:

Đơn vị: Công ty Cổ phần VILACO

Địa chỉ: số 75B –đường 208 – AN Đồng – An Dương

Hình thức thanh toán: CK

STT	Tên hàng hoá dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3= 1 * 2
1	Cước vận chuyển hàng ngày 23/12/2012				2.000.000
Cộng tiền hàng:					2.000.000
Thuế suất thuế GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		200.000
Tổng cộng tiền hàng:					2.200.000
Số tiền bằng chữ: Hai triệu hai trăm nghìn đồng.					

Người mua hàng  
( Ký, họ tên)Người bán hàng  
( Ký, họ tên)Thủ trưởng đơn vị  
( Ký, họ tên)

**Biểu 2.23. ỦY NHIỆM CHI**

<b>ỦY NHIỆM CHI</b>		Số UNC:098
CHUYÊN KHOẢN, CHUYÊN TIỀN THU, ĐIỆN		Lập ngày: 16/12/2012
Đơn vị trả tiền: Công ty Cổ phần VILACO		
Số tài khoản: 102010000801599		
Tại ngân hàng: Công thương VN		Tỉnh, TP: Hải Phòng
-----		
Đơn vị nhận tiền: Công ty Cổ phần TM và DV S.T.C		Số tiền bằng số  2.200.000
Số tài khoản: 00120130003054		
Tại ngân hàng: Ngoại thương		Tỉnh, TP: Hải Phòng
-----		
Số tiền bằng chữ: Hai triệu hai trăm nghìn đồng.		
Nội dung thanh toán: Trả tiền cước vận chuyển		
Đơn vị trả tiền	Ngân hàng A	Ngân hàng B
	Ghi sổ ngày: 16/12/2012	Ghi sổ ngày: 16/12/2012
Kế toán Chủ tài khoản	Kế toán TP. Kế toán	Kế toán TP. Kế toán

**Biểu số 2.24 . Sao Kê Tài Khoản Chi Tiết**

NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VN

VIETINBANK

**SAO KÊ TÀI KHOẢN CHI TIẾT**

Statement of Account

Trang/ Page 2

Từ ngày/ from date: 16/012/2012 đến ngày/To date: 16/12/2012

Số tài khoản/ Account No: 102010000801599 Tiền tệ/ Currency: VNĐ

Tên tài khoản/ Account name: Công ty Cổ phần VILACO

Ngày PS trước/ Previoid:

SDDK/ Beginning Balance: 1.950.297.500

SDCK/ Ending Balance:

Ngày phát sinh Transaction date	Số chứng từ Document No	Nội dung giao dịch Description	Nợ (Debit)	Có (Credit)
16/8/2008	098	Trả tiền cước biển Doanh số phát sinh (Transted Amount)		
			2.200.000	

Giao dịch viên  
Teller  
Phí NH: 11.000 VNĐ

Kiểm soát viên  
Supervisor  
T-toán phí: 11.000 VNĐ

***Ví dụ 4: Ngày 11/12/2012 công ty mua 2 chiếc máy tính IPAD của công ty TNHH Hải Đăng đơn giá 18.380.000đ/ chiếc phục vụ cho việc họp trực tuyến đã thanh toán bằng chuyển khoản tại ngân hàng TMCP Kỹ Thương.***

Căn cứ vào hóa đơn GTGT ( liên 2) công ty gửi ủy nhiệm chi tới ngân hàng TMCP Kỹ Thương VN – CNHP. Ngân hàng sau khi chi tiền sẽ chuyển giấy báo nợ về công ty

Căn cứ vào chứng từ liên quan kế toán ghi sổ tiền gửi ngân hàng Techcombank, đồng thời ghi vào sổ Nhật ký chung

**Biểu số 2.25. HDGTGT số 0048933**

<b>CỤC THUẾ TP. HẢI PHÒNG</b>				Mẫu số: 01GTKT3/001	
<b>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>				Ký hiệu: AA/12P	
Liên 2: Giao khách hàng				Số <b>0048933</b>	
Ngày 11 tháng 12 năm 2012					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Hải Đăng Mã số thuế: 0201253578 Địa chỉ : 123 - Nguyễn Trãi - Hải Phòng Điện thoại:..... Số tài khoản:.....					
Đơn vị mua hàng : Công ty cổ phần VILACO Mã số thuế : 0200152093 Địa chỉ : số 75B –đường 208 – AN Đông – An Dương Hình thức thanh toán : CK Số tài khoản :.....009704060004426.....					
ST T	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Máy tính IPAD	Chiếc	02	18.380.000	36.760.000
Cộng tiền hàng :					36.760.000
Thuế suất GTGT : 10% Tiền thuế GTGT :					3.676.000
Tổng cộng tiền thanh toán					40.436.000
Số tiền viết bằng chữ: Bốn mươi triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn đồng chẵn					
Người mua ( Ký, ghi rõ họ tên)			Người bán ( Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)		

**Biểu số 2.26. ỦY NHIỆM CHI**

<b>ỦY NHIỆM CHI</b> Số:069 CHUYỂN KHOẢN, CHUYỂN TIỀN, THƯ, ĐIỆN Lập ngày: 11/12/2012 Tên đơn vị nhận tiền: Công ty TNHH Hải Đăng Số tài khoản: 0200473460 Tại ngân hàng: Đầu tư và phát triển BIDV <span style="float: right;">Tỉnh, TP: HP</span>				
Tên đơn vị trả tiền: Công ty cổ phần VILACO Số tài khoản: 009704060004426 Tại ngân hàng : TECHCOMBANK <span style="float: right;">Tỉnh, TP : HP</span>				
Số tiền bằng chữ : Bốn mươi triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn đồng Nội dung chi: Chi tiền theo HĐ SP/2012B0048933				
<table border="1"><tr><td style="text-align: center;"><b>SỐ TIỀN BẰNG SỐ</b> <b>40.436.000</b></td></tr></table>				<b>SỐ TIỀN BẰNG SỐ</b> <b>40.436.000</b>
<b>SỐ TIỀN BẰNG SỐ</b> <b>40.436.000</b>				
Đơn vị nhận tiền	Ngân hàng	Ngân hàng		
Kế toán	Chú tài	Ghi số ngày	Ghi số ngày	

**Biểu số 2.27. Giấy báo nợ**

**NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM**  
**TECHCOMBANK**

Mã GDV: APP

Mã KH: 10986

Số GD: 200387

**GIẤY BÁO NỢ**

Ngày 11/12/2012

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN VILACO

Hôm nay chúng tôi xin thông báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách với nội dung sau:

Số TK ghi NỢ: 009704060004426

Số tiền bằng số: 40.436.000

Số tiền bằng chữ: Bốn mươi triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn đồng

Nội dung: Thanh toán theo HĐ SP/2012B0048933

GIAO DỊCH VIÊN

(ký, họ tên)

KIỂM SOÁT

(ký, họ tên)

***Ví dụ 3: Ngày 31/12 công ty nhận được giấy báo Có của ngân hàng Techcombank về việc trả lãi tháng 12/2012 số tiền 84,225.***

**Biểu số 2.28. Giấy báo có**

**NGÂN HÀNG TMCP KỸ THUẬT VIỆT NAM  
TECHCOMBANK**

Mã GDV: APP  
Mã KH: 10986  
Số GD: 200389

**GIẤY BÁO CÓ**

**Số :098**

Ngày 31/12/2012

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN VILACO

Hôm nay chúng tôi xin thông báo đã ghi Có tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số TK ghi CÓ: 009704060004426

Số tiền bằng số: 84.225

Số tiền bằng chữ: tám mươi tư nghìn hai trăm hai mươi năm đồng

Nội dung: trả lãi

**GIAO DỊCH VIÊN**

(ký, họ tên)

**KIỂM SOÁT**

(ký, họ tên)



Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN VILACO

Mẫu số S07a- DN

Địa chỉ: số 75B –đường 208 – AN Đồng – An Dương

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

**SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG**

Nơi mở tài khoản giao dịch: Ngân hàng TECHCOMBANK

Số hiệu tài khoản tại nơi gửi: TK 1121

(Trích tháng 12 năm 2012)

Đơn vị tính: đồng

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SỐ TIỀN		Còn lại
Số hiệu	Ngày tháng		Gửi vào	Rút ra	
		Số dư Nợ đầu kỳ			<b><u>1.623.462.000</u></b>
		Số phát sinh trong kỳ			
...	...	....	...	...	....
<b>UNC069</b>	<b>11/12</b>	<b>Mua 2 máy IPAD phục vụ họp trực tuyến thanh toán bằng chuyển khoản</b>		<b>40.436.000</b>	<b>226.794.680</b>
BC020	11/12	Công ty Việt Đức Thanh toán tiền	220.000.000		446.794.680
BC021	11/12	N ộp tiền vào tài khoản	100.000.000		546.794.680
...	...	..	...	...	...
<b>BC098</b>	<b>31/12</b>	<b>TECHCOMBANK trả lãi tháng 12/2012</b>	<b>84.225</b>		<b>1.020.465.000</b>
BN085	31/12	Rút TGNH nhập quỹ		30.000.000	990.465.000
		...		...	...
		<b>Cộng số phát sinh</b>	<b>736.865.940</b>	<b>1.314.662.220</b>	
		<b>Số dư cuối kỳ</b>			<b><u>1.045.665.720</u></b>

**Biểu 2.29.Sổ tiền gửi nhân hàng TECHCOMBANK**

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN VILACO

Mẫu số S07a- DN

Địa chỉ: số 75B –đường 208 – AN Đồng – An Dương

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

**SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG**

Nơi mở tài khoản giao dịch: Ngân hàng Công Thương Việt Nam

Số hiệu tài khoản tại nơi gửi: TK 1121

(Trích tháng 12 năm 2012)

Đơn vị tính: đồng

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SỐ TIỀN		Còn lại
Số hiệu	Ngày tháng		Gửi vào	Rút ra	
		Số dư đầu kỳ			<b>1.950.297.500</b>
....	...	....	...	...	
BN02	1/12	Trả nợ vay ngắn hạn		600.000.000	<b>850.690.500</b>
BN003	1/12	TT tiền hàng cho Cty Hòa phát		400,000,000	450.690.500
...	...	...	...	...	...
<b>GNT02</b>	<b>5/12</b>	<b>Nộp tiền vào TK</b>	<b>80.000.000</b>		<b>945.230.612</b>
...	...	...	...	...	...
BC001	8/12	Vico TT tiền hàng	10.200.000.000		1.030.687.500
...	...	...	...	...	...
<b>UNC097</b>	<b>15/12</b>	<b>Công ty TNHH Bình Minh thanh toán tiền hàng</b>	<b>330.000.000</b>		1.780.846.500
<b>UNC098</b>	<b>16/12</b>	<b>trả tiền cước vận chuyển</b>		<b>2.200.000</b>	1.778.646.500
...	...	...	...	...	...
PT91	27/12	Rút tiền gửi NH về nhập quỹ		50.000.000	1.980.231.075
...	...	...	...	...	...
		<b>Cộng phát sinh</b>	<b>11.283.026.625</b>	<b>10.835.885.050</b>	
		<b>Dư cuối kỳ</b>			<b>2.397.439.075</b>

**Biểu 2.30.Sổ tiền gửi nhân hàng Công Thương Việt Nam**

**SỔ TỔNG HỢP CHI TIẾT TÀI KHOẢN 1121***Từ ngày 1/12/2012 đến 31/12/2012*

STT	Tên cấp	Dư nợ đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Ngân hàng: TECHCOMBANK	1.623.462.000		736.865.940	1.314.662.220	1.045.665.720	
2	Ngân hàng Công Thương Việt Nam	1.950.297.500		11.283.026.625	10.835.885.050	2.397.439.075	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>3.573.759.500</b>		<b>12.019.892.565</b>	<b>12.150.547.270</b>	<b>3.443.104.795</b>	

*Biểu 2.31. Sổ tổng hợp chi tiết tài khoản 1121*

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN VILACO

Địa chỉ: số 75B –đường 208 – AN Đồng – An Dương

Mẫu số: S03a-DN

(Ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**NHẬT KÝ CHUNG**  
Trích tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Đ G S C	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có
.....	...	...	...		...	...	...
<b>5/12</b>	<b>GNT02</b>	<b>5/12</b>	<b>Nộp tiền vào TK</b>	<b>x</b>	<b>112</b>	<b>80.000.000</b>	
					<b>111</b>		<b>80.000.000</b>
.....	...	...	...	x	...	...	...
<b>11/12</b>	<b>UNC069</b>	<b>11/12</b>	<b>Mua 2 máy IPAD phục vụ họp trực tuyến thanh toán bằng chuyển khoản</b>	<b>x</b>	<b>211</b>	<b>36.760.000</b>	
					<b>133</b>	<b>3.676.000</b>	
					<b>112</b>		40.436.000
...	...	...	...	...	...	...	...
<b>15/12</b>	<b>UNC097</b>	<b>15/12</b>	<b>Công ty TNHH Bình Minh thanh toán tiền hàng</b>	<b>x</b>	<b>112</b>	<b>330.000.000</b>	
				<b>x</b>	<b>511</b>		<b>300.000.000</b>
					<b>3331</b>		<b>30.000.000</b>
<b>16/12</b>	<b>UNC098</b>	<b>16/12</b>	<b>trả tiền cước vận chuyển</b>	<b>x</b>	<b>641</b>	<b>2000.000</b>	
				<b>x</b>	<b>133</b>	<b>200.000</b>	
				<b>x</b>	<b>112</b>		<b>2.200.000</b>
...	...	...	...	...	...	...	...
19/12	PC61	19/12	Thanh toán tiền mua bàn ghế văn phòng.	x	142	6.000.000	
	HĐ0007365			x	133	600.000	
				x	111		6.600.000
20/12	PC62	20/12	T/toán tiền cước viễn thông T11	x	642	1.276.856	
	HĐ0073018			x	133	127.686	
				x	111		1.404.542
.....	...	...	...		...	...	...
27/12	PT91	27/12	Rút tiền gửi NH về nhập quỹ	x	111	50.000.000	50.000.000
				x	112		
.....	...	...	...		...	...	...
<b>31/12</b>	<b>BC098</b>	<b>31/12</b>	<b>TECHCOMBAN K trả lãi tháng 12/2012</b>	<b>x</b>	<b>515</b>	<b>84.225</b>	
				<b>x</b>	<b>112</b>		<b>84.225</b>
...	...	...	...	...	...	...	...
			<b>Cộng</b>			<b>32,740,187,637</b>	<b>32,740,187,637</b>

**Biểu 2.32. Nhật Ký chung tháng 12 năm 2012**

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN VILACO

Mẫu số: S03a-DN

Địa chỉ: số 75B –đường 208 – AN Đồng – An Dương

(Ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Trích Tháng 12 năm 2012

Tên tài khoản: Tiền gửi ngân hàng

Số hiệu: 112

Đơn vị tính: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>Số d ư đầu tháng</b>		<b>3.573.759.500</b>	
...	..	...	...	...	...	...
<b>5/12</b>	<b>GNT02</b>	<b>5/12</b>	<b>Nộp tiền vào TK</b>	<b>111</b>	<b>80.000.000</b>	
...	...	...	...	...	....	...
	BC001	8/12	Vico TT tiền hàng	131	10.200.000.000	
...	...	...	...	...	....	...
<b>11/12</b>	<b>UNC069</b>	<b>11/12</b>	<b>Mua 2 máy IPAD phục vụ họp trực tuyến thanh toán bằng chuyển khoản</b>	<b>211</b>		<b>36.760.000</b>
				<b>133</b>		<b>3.676.000</b>
<b>15/12</b>	<b>UNC097</b>	<b>15/12</b>	<b>Công ty TNHH Bình Minh thanh toán tiền hàng</b>	<b>511</b>	<b>300.000.000</b>	
				<b>3331</b>	<b>30.000.000</b>	
<b>16/12</b>	<b>UNC098</b>	<b>16/12</b>	<b>trả tiền cước vận chuyển</b>	<b>641</b>		<b>2000.000</b>
				<b>133</b>		<b>200.000</b>
...	...	...	...	...	....	...
<b>27/12</b>	<b>PT91</b>	<b>27/12</b>	<b>Rút tiền gửi NH về nhập quỹ</b>	<b>111</b>		<b>50.000.000</b>
<b>27/12</b>						
	PT91	27/12	Rút tiền gửi NH về nhập quỹ			50.000.000
...	...	...	...	...	....	...
<b>31/12</b>	<b>BC098</b>	<b>31/12</b>	<b>TECHCOMBANK trả lãi tháng 12/2012</b>	<b>515</b>	<b>84.225</b>	
...	...	...	...	...	...	...
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>12.019.892.565</b>	<b>12.150.547.270</b>
			<b>Dư cuối kỳ</b>		<b>3.443.104.795</b>	

**Biểu 2.33.Sổ cái tiền gửi ngân hàng tháng 12 năm 2012**

### CHƯƠNG 3

## MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐNBẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VILACO

### 3.1.Đánh giá chung về tổ chức công tác kế toán và kế toán vốn bằng tiền tại công ty cổ phần VILACO

Cùng với nhịp độ phát triển của đất nước, vận động trong cơ chế thị trường, qua nhiều năm hoạt động và phát triển, đã không ngừng vươn lên tự khẳng định mình là một doanh nghiệp kinh doanh hoạt động có hiệu quả. Để đạt được những thành quả như những năm qua là nhờ công ty có định hướng đúng đắn trong chiến lược phát triển kinh doanh, coi thị trường là mục tiêu vươn tới, không ngừng thỏa mãn khách hàng, từng bước nâng cao trình độ đội ngũ lãnh đạo và quản lý, đồng thời quán triệt trong tổ chức quản lý tài chính. Đặc biệt là trong công tác hạch toán kế toán Công ty vận dụng một cách triệt để và không ngừng hoàn thiện. Việc đánh giá tình hình thực hiện hạch toán kế toán vốn bằng tiền và các nghiệp vụ thanh toán trong công ty là hết sức cần thiết, nó còn là một trong những căn cứ làm đòn bẩy cho đội ngũ kế toán Công ty thể hiện trình độ và năng lực chuyên môn của mình.

Trong nền kinh tế thị trường Công ty tham gia và hoạt động sản xuất kinh doanh với tư cách là một chủ thể kinh tế, được pháp luật đảm bảo, luôn lấy tiêu chí lợi nhuận làm mục tiêu hàng đầu, nên sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp khác là không thể tránh khỏi. Đứng trước những thách thức đó bên cạnh việc nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, Công ty còn luôn phải tìm các biện pháp hạch toán vốn bằng tiền, nhằm đạt hiệu quả cao nhất thúc đẩy hoạt động kinh doanh của Công ty.

Qua thời gian thực tập tốt nghiệp tại công ty cổ phần VILACO và nhận được sự giúp đỡ tận tình của Ban giám đốc công ty, phòng kế toán và các phòng ban liên quan đã giúp em hiểu thêm rất nhiều kiến thức thực tế về công tác hạch toán kế toán. Kết hợp với những kiến thức cơ bản mà em đã được

học trên ghế nhà trường, em có một số ý kiến nhận xét về công tác hạch toán kế toán và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

### ***3.1.1. Ưu điểm Về bộ máy quản lý:***

Công ty cổ phần VILACO là một doanh nghiệp hạch toán độc lập công ty đã tìm cho mình một bộ máy quản lý, một phương thức kinh doanh sao cho có hiệu quả nhất. Công ty có những biện pháp quản lý chặt chẽ ở tất cả các khâu, các bộ phận một cách nhịp nhàng và có hiệu quả. Bên cạnh đó công ty luôn bổ sung thêm các cán bộ công nhân viên có trình độ chuyên môn và năng lực tốt đồng thời có những chế độ khen thưởng cũng như kỷ luật kịp thời nhằm tạo kỷ cương doanh nghiệp cũng như khuyến khích người lao động làm việc

### **Về bộ máy kế toán:**

Việc tổ chức thực hiện các chức năng, nhiệm vụ và nội dung của công tác hạch toán kế toán trong công ty do bộ máy kế toán đảm nhận. Tổ chức cơ cấu bộ máy kế toán của công ty hợp lý, gọn nhẹ và hoạt động đạt hiệu quả cao, phù hợp với đặc điểm kinh doanh.

Công tác hạch toán kế toán của công ty nói chung và công tác hạch toán kế toán vốn bằng tiền nói riêng luôn được quan tâm chặt chẽ và không ngừng từng bước hoàn thiện.

Ngoài ra, cán bộ kế toán ở công ty là những người có năng lực, trình độ nghiệp vụ, nắm vững chuyên môn và vận dụng một cách linh hoạt các phương thức kế toán phù hợp với hoạt động kinh doanh của công ty. Kế toán trưởng là một cán bộ có kinh nghiệm, năng lực trong lĩnh vực kế toán. Kế toán trưởng luôn kịp thời theo dõi chính xác tình hình biến động sản phẩm, tính toán chính xác thu nhập và chi phí phát sinh trong quá trình bán hàng một cách hợp lý cũng như thực hiện nghiêm túc việc thanh toán với ngân hàng, Nhà Nước về các khoản phải nộp và xác định một cách chính xác, kịp thời kết quả kinh doanh của từng tháng, từng quý, từng năm. Các nhân

viên trong phòng kế toán đều có trình độ chuyên môn cao và được bố trí hợp lý phù hợp với chuyên môn của mình..

#### **Về hình thức kế toán:**

Công ty áp dụng hình thức kế toán “nhật ký chung”. Nhìn chung công ty cổ phần VILACO đã chấp hành tốt việc hạch toán kế toán vốn bằng tiền, đã cung cấp kịp thời, đầy đủ, nhanh chóng những thông tin cần thiết về vốn (tiền mặt, tiền gửi ngân hàng) cho nhà quản lý, cho doanh nghiệp, giúp cho công ty có sử dụng đồng vốn có hiệu quả nhất đem lại lợi nhuận cao cho công ty.

#### **Về chứng từ, sổ sách kế toán sử dụng:**

Ngay từ khi mới thành lập, công ty đã xây dựng hệ thống các loại chứng từ kế toán qui định cho từng loại nghiệp vụ kinh tế và phản ánh đầy đủ nội dung kinh tế đảm bảo tính pháp lý. Việc luân chuyển các loại chứng từ này được bố trí tuần tự, khoa học, thuận tiện cho việc ghi chép, phản ánh vào các loại sổ kế toán liên quan phục vụ yêu cầu quản lý và hạch toán kế toán vốn bằng tiền. Cùng với các loại chứng từ, sổ sách được sử dụng theo đúng mẫu biểu do Bộ Tài Chính ban hành, đảm bảo các nội dung kinh tế được thống nhất, công ty còn sử dụng các loại chứng từ kế toán mang tính hướng dẫn riêng trong công ty. Các chứng từ sau khi tổng hợp được bảo quản theo đúng chế độ lưu trữ tài liệu kế toán của Nhà nước.

#### **3.1.2.Hạn chế**

Bên cạnh những ưu điểm trên, công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng của công ty có những mặt hạn chế sau:

Về tài khoản sử dụng:

Công ty không sử dụng tài khoản 113 – “Tiền đang chuyển” nên đôi khi không phản ánh đúng tình hình tăng giảm của vốn bằng tiền.

Về việc kiểm kê quỹ:

Định kỳ, công ty chưa tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt và lập bảng kiểm kê quỹ. Việc theo dõi đối chiếu số tiền thực tế có tại quỹ với sổ quỹ không làm thường xuyên ảnh hưởng đến việc quản lý tiền mặt của công ty.



Về việc ứng dụng phần mềm kế toán:

Hiện nay công ty chưa có một phần mềm kế toán riêng biệt để phục vụ công tác kế toán nên vẫn chưa thực sự phát huy hết vai trò của máy tính trong công tác hạch toán kế toán, chưa tiết kiệm được lao động của nhân viên kế toán và thời gian ghi chép, tổng hợp số liệu và chuyển sổ. Nhất là vào cuối kỳ kế toán, khối lượng công việc là tương đối lớn, nhân viên kế toán phải làm thêm giờ. Vì vậy việc sử dụng phần mềm kế toán là rất cần thiết, sẽ tiết kiệm được thời gian, công sức lao động, đem lại hiệu quả làm việc cao.

### **3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty cổ phần VILACO**

*Ý kiến 1:* Hoàn thiện việc đưa tài khoản 113 – Tiền đang chuyển vào hạch toán

Hiện nay công ty không sử dụng tài khoản 113 vào hạch toán. Đây là tài khoản phản ánh tiền mặt, tiền séc đã xuất khỏi quỹ của doanh nghiệp đã nộp vào ngân hàng, kho bạc Nhà nước, đã gửi vào bưu điện để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo của ngân hàng, khách hàng. Do không sử dụng tài khoản 113 vào hạch toán nên công ty thường phải chờ một vài ngày sau khi việc chuyển tiền hoàn thành rồi mới hạch toán. Vì vậy việc phản ánh số dư công nợ trên báo cáo tài chính là không chính xác. Bởi vậy việc đưa tài khoản 113 vào hạch toán là rất cần thiết.

Kết cấu của tài khoản này như sau:

Bên Nợ:

- Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, séc đã nộp vào ngân hàng, gửi qua bưu điện.
- Số chênh lệch tăng tỷ giá ngoại tệ cuối kỳ do đánh giá lại.

Bên Có:

- Số kết chuyển vào TK 112 – tiền gửi ngân hàng hoặc các tài khoản liên quan.
- Số chênh lệch giảm tỷ giá ngoại tệ cuối kỳ do đánh giá lại số dư ngoại tệ.

Số dư bên Nợ: Các khoản tiền còn đang chuyển.

Ví dụ về việc công ty không sử dụng tài khoản 113 vào hạch toán:

Ngày 30/12/2011 công ty Á nh Ngọc trả tiền 100.000.000 đồng cho công ty bằng séc, công ty đã nộp séc vào ngân hàng nhưng đến ngày 31/12/2011 công ty vẫn chưa nhận được giấy báo có của ngân hàng, đến ngày 03/01/2012 công ty nhận được giấy báo có của ngân hàng. Lúc này kế toán công ty mới căn cứ giấy báo có để ghi sổ:

Nợ TK 112: 100.000.000

Có TK 131: 100.000.000

Nếu công ty mở TK 113 thì tại ngày 30/12/2011 kế toán định khoản nghiệp vụ này như sau:

Nợ TK 113: 100.000.000

Có TK 131: 100.000.000

như vậy đã phản ánh công ty Á nh Ngọc đã trả nợ.

Đến ngày 03/01/2012 khi nhận được giấy báo có kế toán ghi:

Nợ TK 112: 137.500.000

Có TK 113: 137.500.000

**Ý kiến 2:** Hoàn thiện việc tiến hành kiểm kê quỹ định kỳ hoặc đột xuất

Công ty nên tiến hành kiểm kê quỹ định kỳ hoặc đột xuất, hoặc khi bàn giao quỹ, biên bản kiểm kê phải ghi rõ số hiệu chứng từ và thời điểm kiểm kê. Trước khi kiểm kê quỹ, thủ quỹ phải ghi sổ quỹ, tất cả các phiếu thu, phiếu chi và tính số dư tồn quỹ đến thời điểm kiểm kê, mọi khoản chênh lệch quỹ đều phải báo cáo giám đốc xem xét giải quyết.

Khi tiến hành kiểm kê phải tiến hành kiểm kê riêng từng loại tiền có trong quỹ, khi có sự chênh lệch phải ghi rõ nguyên nhân gây ra thừa thiếu và phải báo cáo giám đốc xem xét, giải quyết.

Bảng kiểm kê quỹ được lập thành hai bản, một bản lưu ở thủ quỹ, một bản lưu ở kế toán quỹ tiền mặt hoặc kế toán thanh toán. Bảng kiểm kê quỹ nhằm xác nhận tiền mặt tồn quỹ thực tế và số thừa, thiếu so với sổ quỹ. Trên

cơ sở đó tăng cường quản lý quỹ và làm cơ sở quy trách nhiệm vật chất, ghi sổ kế toán số chênh lệch. Cách xử lý các trường hợp khi kiểm kê gặp phải:

Các khoản thừa quỹ tiền mặt phát hiện khi kiểm kê chưa xác định rõ nguyên nhân, ghi:

Nợ TK 111 – Tiền mặt

Có TK 338 – Phải trả, phải nộp khác (3381)

Các khoản thiếu quỹ tiền mặt phát hiện khi kiểm kê chưa xác định rõ nguyên nhân, ghi:

Nợ TK 138 – Phải thu khác (1381)

Có TK 111 – Tiền mặt

Sau đây là mẫu bảng kiểm kê quỹ tiền mặt:

**Biểu 3.1. Bảng kiểm kê quỹ**

Đơn vị:.....

Mẫu số 08a - TT

Bộ phận: .....

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**BẢNG KIỂM KÊ QUỸ**  
(Dùng cho VNĐ)

Số:.....

Hôm nay,

vào.....giờ.....ngày...../...../.....

...

Chúng tôi gồm:

- Ông/Bà:.....Đại diện Kế toán

- Ông/Bà:.....Đại diện Thủ quỹ

- Ông/Bà:.....Đại diện.....

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt, kết quả như sau:

STT	Diễn giải	Số lượng (tờ)	Số tiền
A	B	1	2
I	Số dư theo sổ quỹ	X	
II	Số kiểm kê thực tế	X	
1	Trong đó: - Loại:		
2	- Loại:		
3	- Loại:		
4	- Loại:		
5	- .....		
III	Chênh lệch (III = I - II)	X	

Lý do:

- Thừa:.....

- Thiếu:.....

Kết luận sau khi kiểm kê quỹ:.....

.....

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)Thủ quỹ  
(Ký, họ tên)Người chịu trách nhiệm kiểm  
kê quỹ  
(Ký, họ tên)

*Ví dụ: Bảng kiểm kê quỹ tháng 11/2012*

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN VILACO

Mẫu số 08a - TT

Địa chỉ: số 75B –đường 208 – AN Đồng –  
An Dương

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

## BẢNG KIỂM KÊ QUỸ (Dùng cho VNĐ)

Hôm nay, vào ngày 30/11/2012

Bộ phận kế toán tài vụ tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt tồn quỹ, kết quả như sau

STT	Diễn giải	Số lượng (tờ)	Số tiền
A	B	1	2
I	Số dư theo sổ quỹ		135.620.000
II	Số kiểm kê thực tế	X	
1	Trong đó: - Loại: 500.000	120	60.000.000
2	- Loại: 200.000	200	40.000.000
3	- Loại: 100.000	300	30.000.000
4	- Loại: 50.000	100	5.000.000
5	- Loại: 20.000	20	400.000
	- Loại: 10.000	22	210.000
	- Loại: 5.000	1	5000
	- Loại: 2.000	2	4000
	- Loại: 1.000	0	
	- Loại: 500	0	
III	Chênh lệch (III = I - II)		1000

Lý do:

- Thừa: .....
- Thiếu: 1000 đồng ( Một nghìn đồng) .
- Kết luận sau khi kiểm kê quỹ: Chênh lệch 1000 đ ( Một nghìn đồng)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ  
(Ký, họ tên)

Người chịu trách nhiệm kiểm kê quỹ  
(Ký, họ tên)

**Ý kiến 3:** Hoàn thiện về việc ứng dụng phần mềm kế toán:

Nếu như trước đây khi kế toán viên cộng sổ kế toán sai thì toàn bộ các báo cáo tài chính quản trị có liên quan đều phải được lập lại từ đầu và thời gian tiêu tốn cho việc này có thể mất vài ngày thậm chí tới vài tuần để hoàn thành thì nay với sự hỗ trợ của phần mềm kế toán, người sử dụng có thể giảm tối đa thời gian lãng phí vào việc chỉnh sửa dữ liệu, sổ sách, báo cáo từ vài ngày xuống còn vài phút. Mặt khác công tác kế toán thủ công đòi hỏi cần nhiều nhân sự làm kế toán trong khi phần mềm kế toán do tự động hóa hoàn toàn các công đoạn tính toán, lưu trữ, tìm kiếm và kết xuất báo cáo nên tiết kiệm được nhân sự và thời gian, chính điều này đã góp phần tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp.

Với quy mô của công ty cổ phần VILACO như hiện nay thì nên sử dụng Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012. Em xin giới thiệu phần mềm Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012 mà công ty có thể sử dụng với nhiều tính năng dễ sử dụng và tiện lợi.

Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012 gồm 13 phân hệ, được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của mình. Với MISA SME.NET 2012 doanh nghiệp có thể kiểm soát được số liệu trực tuyến tại bất cứ đâu, bất cứ khi nào thông qua Internet. MISA SME.NET 2012 có 3 gói sản phẩm:

- Enterprise gồm 13 phân hệ có giá 9.950.000 đồng,
- Professional gồm 9 phân hệ có giá 7.450.000 đồng,
- Standard gồm 7 phân hệ có giá 6.450.000đồng.

Giao diện làm việc của MISA SME.NET 2012:



Các tính năng nổi bật của phần mềm: cập nhật Thông tư 138/2011/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa, tích hợp chữ ký số, nộp hồ sơ khai thuế qua mạng, tự tạo và in hoá đơn theo Nghị định 51/2010/NĐ-CP, in báo cáo có mã vạch theo tiêu chuẩn của Tổng cục Thuế, quản lý hiệu quả mô hình công ty đa chi nhánh, làm việc online mọi lúc, mọi nơi, quản lý cổ đông linh hoạt.

Phần mềm kế toán Fast Accounting có nhiều tính năng mạnh, nhiều tiện ích giúp cho việc sử dụng chương trình được dễ dàng và khai thác chương trình được hiệu quả.



Một số tính năng nổi bật của phần mềm:

Kỹ thuật Drill-Down (quản trị ngược) cho phép người sử dụng khi đang xem báo cáo tổng hợp chỉ bằng 1 phím có thể xem ngay số liệu chi tiết cấu thành và tiếp tục cũng chỉ bằng một phím là có thể xem tiếp đến chứng từ ban đầu. Kỹ thuật này rất thuận tiện cho cán bộ quản lý sử dụng chương trình khi xem số liệu báo cáo và tiện lợi cho kế toán viên và kế toán tổng hợp khi muốn kiểm tra và đối chiếu số liệu.

Kỹ thuật Quick Report (báo cáo nhanh) cho phép người sử dụng dễ dàng tự tạo báo cáo theo yêu cầu bằng cách chọn các cột cần in trên màn hình xem số liệu, đổi thứ tự các cột in ra, điều chỉnh độ rộng các cột cần in, chọn phông chữ (các thao tác tương tự như trong Excel) và sau đó sử dụng chức năng Quick Report để có báo cáo theo đúng yêu cầu.

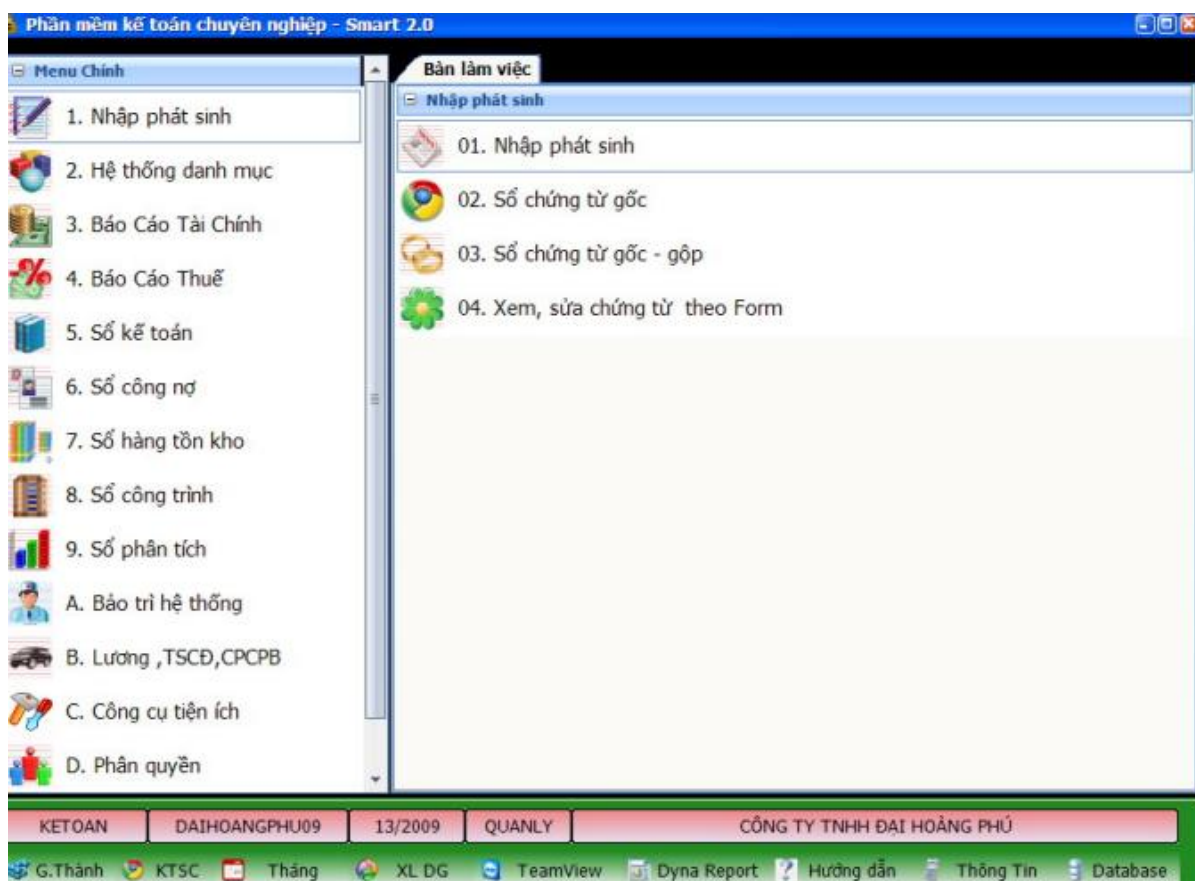
Phần mềm kế toán Fast Accounting cho phép bảo mật bằng mật khẩu và phân quyền truy nhập chi tiết đến từng chức năng và công việc (đọc/sửa/xóa/tạo mới) trong chương trình cho từng người sử dụng. Chương trình có khả năng khóa số chi tiết đến từng loại chứng từ, theo dõi nhật ký người sử dụng.



Giao diện và các báo cáo bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh và cho phép tùy chọn theo từng người sử dụng.

Phần mềm cập nhật các sửa đổi bổ sung theo các quy định mới nhất của Bộ Tài chính: chế độ kế toán doanh nghiệp theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC, quyết định 48/2006/QĐ-BTC (dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa); báo cáo thuế GTGT, thuế TNDN theo thông tư 60/2007/TT-BTC (hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế); nghiệp vụ hạch toán hàng khuyến mãi theo thông tư 30/2008/TT-BTC; bảng kê thu mua hàng hóa – dịch vụ mua vào không có hóa đơn (mẫu số 01/TNDN) theo Thông tư 134/2007/TT-BTC... Hỗ trợ kết xuất dữ liệu báo cáo thuế GTGT, thuế TNDN, báo cáo tài chính sang phần mềm hỗ trợ kê khai thuế HTTK của Tổng Cục thuế để in theo mã vạch.

Phần mềm kế toán SMART 2.0 là giải pháp kế toán phù hợp với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, với ưu điểm dễ sử dụng, đặc biệt là dịch vụ hỗ trợ chuyên nghiệp. SMART 2.0 đáp ứng hệ thống chứng từ, sổ sách theo các quy định mới nhất của Bộ Tài chính: chế độ kế toán doanh nghiệp theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC, quyết định 48/2006/QĐ-BTC, thông tư 60/2007/TT-BTC.



Một số đặc điểm của phần mềm kế toán SMART 2.0:

Xử lý số liệu tốc độ nhanh, chính xác bằng việc áp dụng công nghệ xử lý SQL Server và Visual Basic.NET, có thể chạy nhiều máy trên mạng LAN, có chức năng lưu dữ liệu sang 1 file khác để dự phòng và khôi phục dữ liệu khi bị mất.

Cập nhật báo cáo thuế, báo cáo tài chính qua HTTK 2.1, theo dõi và tính thuế GTGT đầu vào, đầu ra.

Giao diện dễ nhìn, thao tác ngắn gọn và thực hiện được nhiều việc mà những phần mềm khác không thể làm được: Công nghệ lọc dữ liệu thông minh, có thể lọc được bất kỳ thông tin nào, người sử dụng chỉ việc đưa ra tiêu chuẩn lọc (dạng chữ hoặc số). Công cụ quản trị dữ liệu linh hoạt, Xuất dữ liệu ra tệp Excel, Access, ...Hình thức nhập liệu quen thuộc, dễ sử dụng những chức năng vượt trội bằng việc áp dụng công nghệ lập trình màn hình nhập, khi đang nhập phát sinh bạn có thể mở các danh mục hồ sơ ra xem. Theo em, công ty nên lựa chọn phần mềm kế toán MISA SME.NET

2012 vì phần mềm có nhiều gói sản phẩm với các mức giá tương thích để chọn, phần mềm cũng dễ tiếp cận và cài đặt, dễ sử dụng.

**Ý kiến 4:** Hoàn thiện về hệ thống sổ sách của Công ty:

Công ty nên mở thêm các sổ nhật ký đặc biệt cụ thể là sổ nhật ký thu tiền và nhật ký chi tiền ( mở riêng cho thu, chi tiền mặt và thu, chi tiền qua Ngân hàng cho từng loại tiền hoặc cho từng ngân hàng) để việc quản lý tiền đ ược chặt chẽ và chính xác hơn, thuận tiện trong việc kiểm tra lượng tiền thu, chi trong kỳ hay muốn kiểm tra theo dõi vào một thời điểm bất kỳ.

Theo nguyên tắc các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải ghi vào sổ nhật ký chung nhưng với biện pháp này những nghiệp vụ đã đ ược ghi trong sổ nhật ký đặc biệt sẽ không cần ghi vào nhật ký chung nữa mà cuối tháng kế toán sẽ tổng hợp từ nhật ký đặc biệt ghi một lần vào sổ cái.

Sau đây là 2 mẫu sổ nên bổ sung:

Đơn vị:.....

Mẫu số: S03a1 – DNN

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ THU TIỀN**

Năm: ....

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Nợ TK ...	Ghi Có các TK				
	Số hiệu	Ngày, tháng			...	...	...	Tài khoản khác	
					Số tiền	Số hiệu			
A	B	C	D	1	2	3	4	5	E
			Số trang trước chuyển sang						
			Cộng chuyển trang sau						

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ....

- Ngày mở sổ: .....

Ngày ....tháng ....năm .....

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị: Công ty Cổ phần VILACO

Địa chỉ:.....

Mẫu số: S03a1 – DNN

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ NHẬT KÝ THU TIỀN

Năm: 2012

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Nợ TK 111	Ghi Có các TK				
	Số hiệu	Ngày, tháng			141	112	511	3331	TK khác
A	B	C	D	1	2	3	4	5	...
			Số trang trước chuyển sang	2.090.116.000					
5/12	PT40	5/012	Thu tiền bán hàng theo HĐ số 0000512	3.960.000			3.600.000	360.000	...
...	...	...	...	...	...	..	..	..	..
27/12	PT90	27/12	Tạm ứng không hết nhập quỹ	3.800.000	3.800.000				...
27/12	PT91	27/12	Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ	50.000.000		50.000.000			...
27/12	PT92	27/12	Thu tiền hàng theo HĐ00694	19.800.000			18.000.000	1.800.000	...
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
			Cộng chuyển trang sau	2.011.340.000	15.500.000	110.000.000	701.000.000	90.632.000	606.000.000

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ....

- Ngày mở sổ: .....

Ngày ....tháng ....năm .....

Ng ười ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị:.....

Mẫu số: S03a2 – DNN

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC)

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHI TIỀN**

Năm: ....

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Có TK ...	Ghi Nợ các TK				
	Số hiệu	Ngày, tháng			...	...	...	Tài khoản khác	
								Số tiền	Số hiệu
A	B	C	D	1	2	3	4	5	E
			Số trang trước chuyển sang						
			Cộng chuyển trang sau						

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ....

- Ngày mở sổ: .....

Ngày ....tháng ....năm .....

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị: Công ty Cổ phần VILACO  
 Địa chỉ:.....

Mẫu số: S03a1 – DNN  
 (Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC  
 Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

### SỔ NHẬT KÝ CHI TIỀN

Năm: ....

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Có TK 111	Ghi Nợ các TK				
	Số hiệu	Ngày, tháng			112	141	642	133	TK kh ác
			Số trang trước chuyển sang	1.087.165.000					
5/12	PC35	5/12	Nộp tiền vào TK ngân hàng	80.000.000	80.000.000				
...	...	...	...	...	..	...	..	...	...
7/12	PC38	7/12	Trần hải minh tạm ứng tiền đi công tác	2.000.000		2.000.000			
7/12	PC39	7/12	Thanh toán tiền phí chứng thực bản sao	270.000			270.000		
...	...	...	...	..	..	...	...	...	..
			Cộng chuyển trang sau	1.636.395.520	390.806.000	20.080.000	45.504.520	75.005.000	460.000.000

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ....

- Ngày mở sổ: .....

Ngày ....tháng ....năm .....

Ng ười ghi số  
(Ký, họ tên)

Kê toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

## KẾT LUẬN

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường như hiện nay kế toán với vai trò là công cụ quan trọng để quản lý kinh tế - tài chính ở các doanh nghiệp phải thay đổi cho phù hợp với tình hình mới để giúp cho doanh nghiệp quản lý được tốt hơn mọi mặt hoạt động kinh doanh của mình. Trong đó phải đặc biệt chú trọng đến việc hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền.

Qua thời gian thực tập tại Công ty cổ phần VILACO, em đã được tìm hiểu thực tế về công tác hạch toán kế toán nói chung và công tác tổ chức kế toán vốn bằng tiền nói riêng. Công ty và đặc biệt là phòng tài chính kế toán đã tạo điều kiện để em có thể nghiên cứu, tiếp cận thực tế, bổ sung những kiến thức đã học ở trường từ đó đối chiếu lý luận với thực tiễn, hoàn thành khóa luận: “Hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần VILACO”

Do hạn chế về hiểu biết lý luận và thực tiễn, thời gian thực tập có hạn nên không tránh khỏi những sai sót và hạn chế trong bài luận. Vì vậy em rất mong có được sự đóng góp và chỉ bảo của các thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo Công ty cùng toàn thể các cô chú trong phòng kế toán và đặc biệt là cô giáo - thạc sỹ Nguyễn Thị Thúy Hồng đã tạo điều kiện giúp đỡ để em có thể hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này.

Hải Phòng, ngày tháng năm 2011

Sinh viên

Đỗ Thị Bích